

16°
Indoch
9

171

CỦ'U-LONG-GIANG

psend: de Tô Đứơc-Thần

THẮT-SƠN

20403

HÀ-TIÊN

1935

IMP. DUC-LUU-PHUONG
158, Rue d'Espagne 158 — Saigon

0830

MAI-SON-SON

MOZ-TAN

MAI-TAN

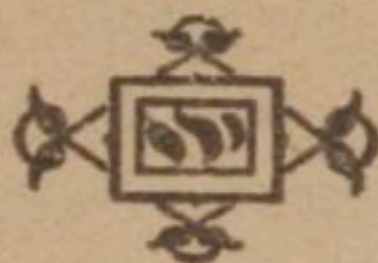
1932

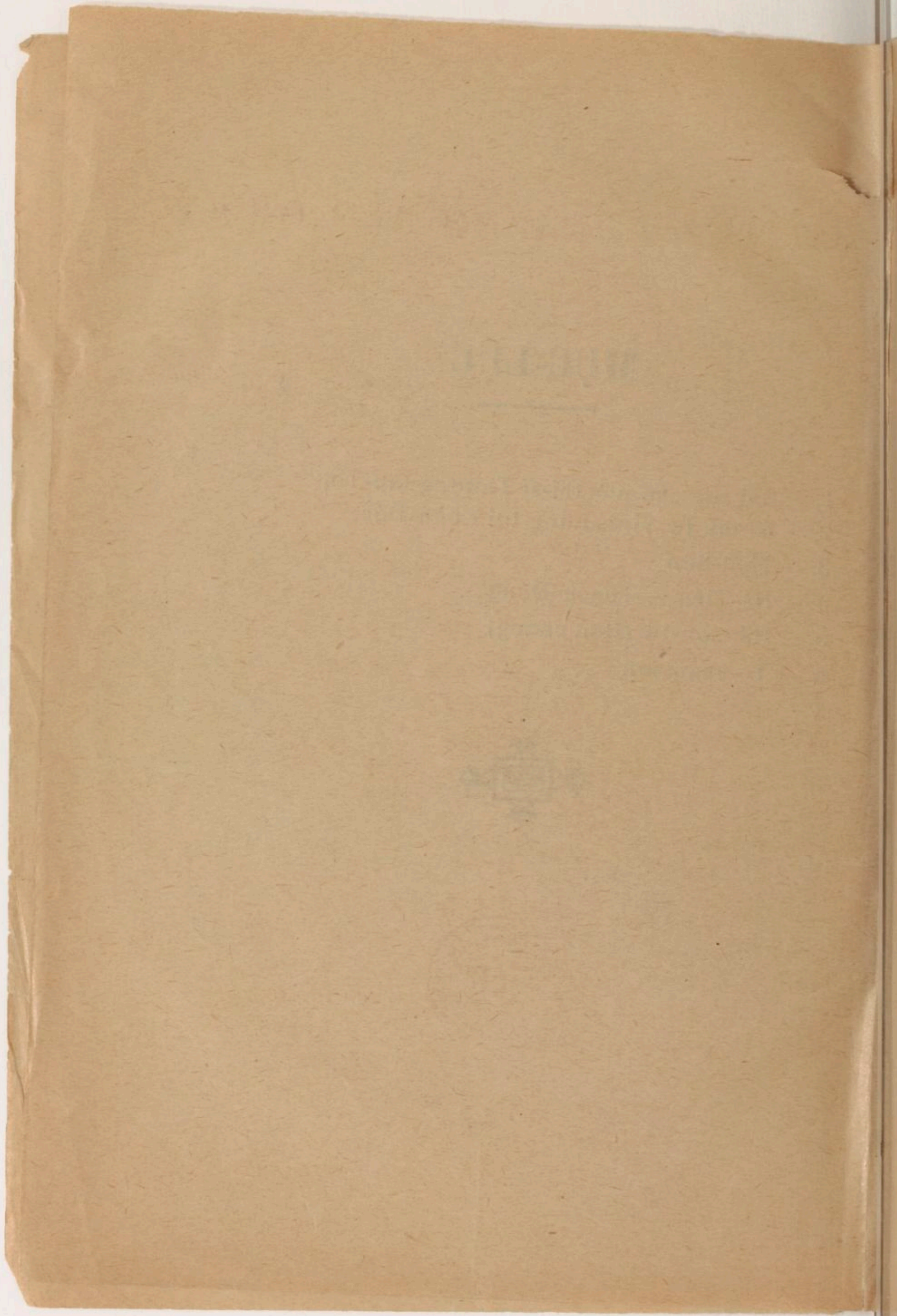
MAI-SON-SON

MỤC-LỤC

20403

1. — Bài tựa của nhà thi-sĩ Thượng-tân-Thị
2. — Đi tàu từ Vĩnh-Long tới Châu-Đốc
3. — Thất-Sơn
4. — Hà-Tiên — Thạch-Động
5. — Hãi-sơn-tự (Hòn chông)
6. — Tô-châu-sơn





BÀI TỰA PHÊ-BÌNH TẬP DU-KÝ

CỦA M. TÔ-ĐỨC-THẬN

Trong lúc nghỉ hè, tôi muốn đi ngao-du sơn-thủy chơi một ít ngày cho thư-thả trong lòng. Mà danh thắng ở xứ Nam-kỳ, thì duy có miền An-Hà là đẹp hơn cả, nên đi. Nhưng bước ra một tắc đường thì phải hao tốn, mà con ma khủng-hoảng nó đương đứng chần-ngần ngay ở trước cửa đón tôi kia, làm sao bước chơn ra khỏi được. Tôi đương nghĩ vơ nghĩ vẩn, tính tới tính lui, thì Tô-quân ở đâu đến chơi, có đem theo một tập du-ký, viếng Thất-Sơn và Hà-Tiên, mượn tôi phủ chính và phê-bình giùm. Tôi đã sẵn lòng muốn đi chơi mà lại gặp được một người bạn dẫn đường không tốn kém, thì tôi khoái không chi bằng. Tôi bèn dờ ra xem từ đầu chi cuối, ngót mấy giờ đồng hồ, thì hình như chơn tôi đã bước lên xe, xuống tàu, đi tới mấy chỗ non xanh nước biếc và con mắt tôi đã mở rộng tầm. lớn khoẻ, mà xem xét hết mấy cảnh đài tiên cõi phật vậy, vui mắt biết là chừng nào, đẹp dạ biết là chừng nào!

Tô-quân là một vị thiếu-niên tân-học, đã từng ở trong ty giáo-huấn mấy năm. Tô-quân buồn vì tình đời lắm nỗi khắc-khe, nên mới cáo bệnh xin thôi về nhà an-dưỡng. Tô-quân lại khuynh-hướng về tôn-giáo mà bôn tâm lại khác hẳn với những người tu-hành bây giờ. Tô-quân sở-dĩ đi chơi phiếm đây là cốt ý để xem xét cho biết cảnh vật nước nhà ở miền tây Lục-lĩnh và suy-nghiệm coi cách tu-tâm dưỡng tánh của môn-dồ nhà phật ở núi ra thế nào.

16° Indoch

2

Trong tập du-ký, Tô-quân nói qua-loa đủ các khoa: về địa-dư, chỉ rõ đường đi nước bước, từ đâu tới đâu mấy cây số và mấy thời khắc. Về sử-ký, thuật sơ sự khai-sáng của liên-nhân. Về sự-loại nói qua những kỹ-nghệ và thổ-sản trong xứ. Còn về triết-lý, thì Tô-quân lại nói thiết hơn; mỗi khi phải cái cảnh thương tâm, hay cùng ai đàm đạo, thì lại đem triết-lý ra dần-giải là có ý đề ngụ đời vậy.

Văn tuy dồi-dào, chải-chuốt, mà nó hàm-súc cái ý ưu-tư, cho nên lời-lẽ có chỗ du-dương, có nơi bi-thiết, khiến cho người đọc đến phải đem lòng cảm-xúc. Than ôi! Tô-quân là người thế nào? Chưa bao lâu tuổi mà đã đem thân vào cõi hư-vô, quyết chí noi đường thanh-tịnh, thì thật là khác hơn người thường gấp mấy. Vậy nên tôi có mấy lời phê-bình vào tập du-ký của Tô-quân.

Cõi Nam lắm cảnh thanh kỳ,
Non hơn nước trí thiếu gì là duyên.
Tô-quân mến cảnh thiên-nhiên,
Thất-Sơn, Thạch-Động làm miền Thiên-Thai.
Từ đây đường bước còn dài,
Vén mây chớ quản, ruộng gai chớ nề

Viết tại Long-Châu ngày 22 tháng sáu
năm Bảo-Đại thứ chín (Aoút 1934)

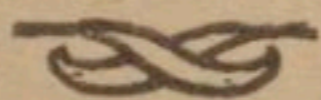
PHAN-QUỐC-QUANG

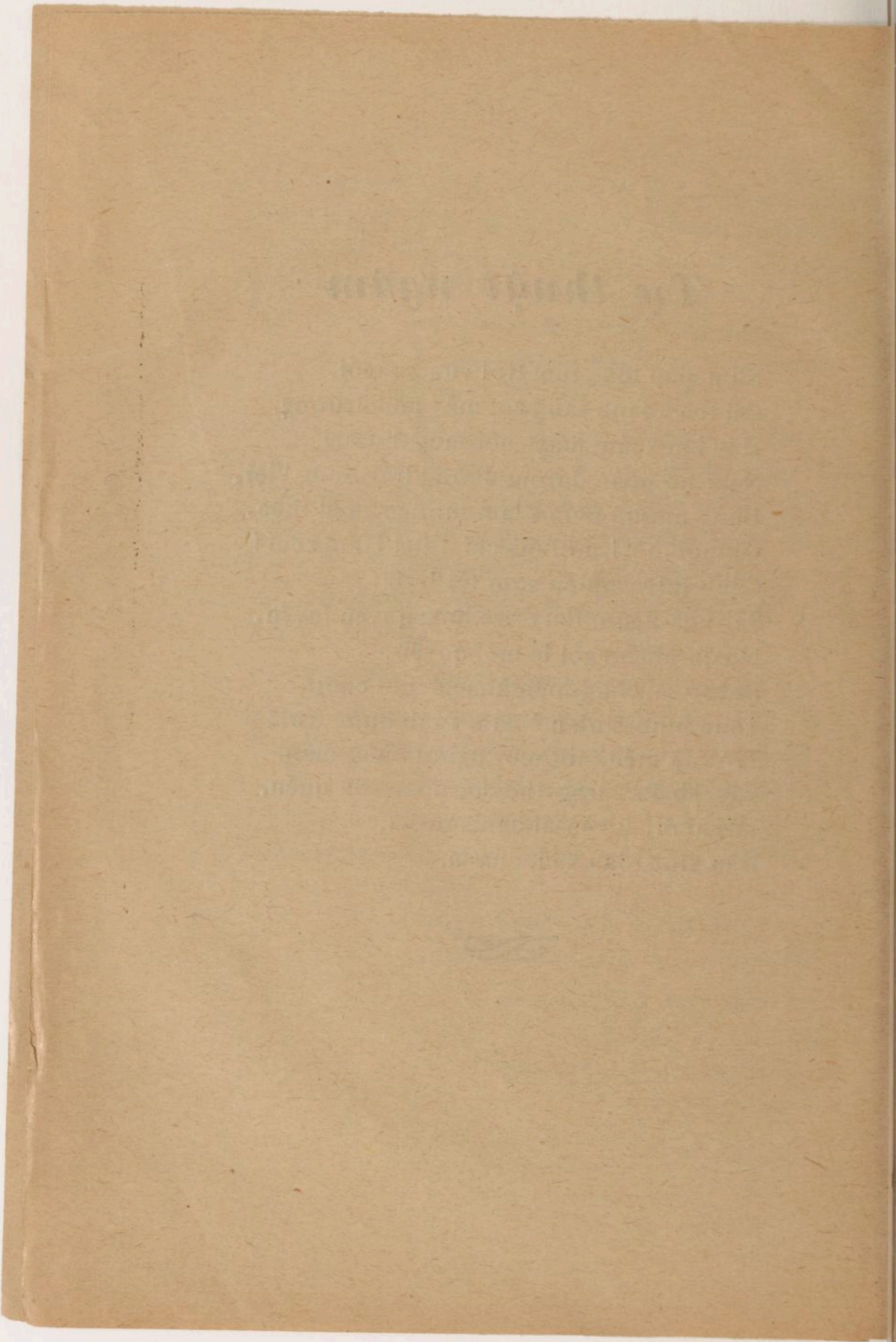
biệt-lự

THƯỢNG-TÂN-THỊ

Tự thuật ngâm

Năm giáp tuất, tuổi trời vừa ba mốt.
Cái thân danh rạng cột mấy năm trường.
Mấy lần xuân, mấy cuộc tang thương.
Nghĩ hồ phận đường đường trai Nam-Việt.
Bụng những muốn làm tai ngoạ, mặt điếc.
Ôi thôi thôi! hơn mà chi, thiệt lại mà chi!
Cảnh thiên-nhiên sớm tối ly-bì.
Say ngả-ngón, thủy sơn lòng quyến luyến.
Nợ du-phiếm gọi là một quyền.
Bút sơ-sài cống-hiến khách cười chơi.
Tánh binh-sinh mê đắm cảnh nước trời;
Trót đã mển, xin mời người cùng mển.
Câu khiến hứng thô-sơ, toan rủ quển.
Hỡi ai ôi! luyến-ái đến sơn-hà.
Dầu xinh, dầu xấu, của ta.





Cảnh Thất-Sơn (Châu-độc)

Đăng sơn du ngoạn

Trải mấy hôm lãng-mạn chốn lâm tuyền ;

Ngất-ngưỡng say thảng-cảnh thiên-nhiên ;

Vui hứng thú ngửa-nghiêng miền rừng núi.

Ngao-ngán chốn phồn-hoa gió bụi ;

Gát sự đời, giông-ruồi bước chơi nông.

Vùng Thất-Sơn lối-nhớ non bằng.

Cao lẫn thấp xanh hồng khoe sắc lịch.

Đảnh Bồ-Hông ngất trời lịch-mịch.

Ngọn linh-sơn mờ-mịt giữa khuông thiên.

Khuất ngàn thông thấp-thoảng chùa-chiền ;

Cõi thanh-nhã nhà thiền ẩn dật.

Nẻo truông mây quanh-hiu sầm-uất.

Đường lên non chông-chất đá gập-ghềnh.

Nước sơn-khé trong-vắt chảy mang-mênh.

Cam-lộ thủy thấm đài-linh khỏe khoáng.

Giữa non thăm, Phật từ-bi lắng-lặng.

Cảnh Bảy Do thanh-vãng vĩ-hùng.

Chim hát ca lãnh-lót lạnh-lùng,

Vượn chuyền nhảy-ung-dung phới-phở.

Kẻ du-phiếm việc người xưa vội nhớ :

Não lòng ai dang-dở bước đường tu.

Thân xuất gia còn lận-đận lao tù ;
Nghĩ nông-nỗi ngậm-ngùi cảm cảnh.
Thôi ! chuyện cũ kể chi thêm chạnh.
Dời chân ta viếng cảnh Đức-Minh ;
Bực cao tăng khổ hạnh tu-hành ;
Trót mẫn thế, cam đành lòng yếm thế.
Còn Ba Đạo cũng mở chuông kinh kệ ;
Cũng tiếng rằng tế-độ lê-dân.
Thôi ! trò đời lắm mặt khôn phân !
Đã chơi núi, lần lên cao cho biết ;
Đứng tuyệt đánh bâng khuâng chi xiết !
Danh sơn nhà la-liệt giữa đồ-dư :
Núi Dài, núi Tượng, núi Két, Trà-Sư,
Núi Nam-Vi, ông Tô với bà Đội.
Toàn non lãnh đượm-nhuần cây cối ;
Thoạt tỏ mờ như chìm nổi gần xa ;
Sắc đậm, thanh, hồng, tia dung hoà,
Cây chen đá thướt-tha diễm-lệ.
Ngoảnh mặt lại, nhìn xem dưới thế
Cả lâu-dài chợ-búa còn còn con.
Yêu thay cầm-tú giang sơn !

CỬU-LONG-GIANG



I.— ĐI TÀU TỪ VĨNH-LONG TỚI CHÂU-ĐỐC

Ngày mồng bốn tết, năm 1933, ba anh em chúng tôi dậy sớm xuất hành. Cùng nhau mang chút ít đồ hành-lý xuống một chiếc tàu nhỏ, quá giang lên Châu-đốc.

Tàu kéo neo, chạy ra xa. Ngó lại từ-giã châu thành Vĩnh-Long. Dinh quan chủ tỉnh nửa ẩn nửa hiện dưới bóng cây xanh tươi tốt. Hàng rào trắng, song-ly màu xanh-lợt dài mấy trăm thước, khoe với khách cái mặt tiền mí-miêu loè-loẹt của châu thành. Trên chòm cây sum-sia, lầu chuông nhà thờ cao vợi-vợi, xem có vẻ nguy-nga. Dọc theo bờ sông, kề bên mặt nước, mấy trăm cái nhà sàn và rượng lưới giăng phơi la-liệt. Trên mặt sông, nhấp-nhò mấy con thuyền nhà ngư-phủ. Khách đứng trên tàu xem cái mặt thành-thị và toàn cảnh cũng có vẻ đẹp.

Dưới tàu hành-khách khá đông: Nam, Tàu, Cao-Mên lẫn lộn nhau. Bảy và Tám ít đi tàu nên có ý bợ-ngợ. Cặp mắt quen với cảnh nhà êm-tịch, nay đem nó ra chụp lấy cái cử-động lỗ-lăng, đi đứng rộn ràng của mấy mươi hành-khách toàn là hạng thường dân của mấy giống người khác nhau. Lại gì cách ngồi đứng, cử-chỉ của hành-khách: nhai trầu nhóc-nhách; hút thuốc phi-phà; khạc nhổ bậy bạ. Chị đàn-bà ngồi trên gió phun trầu, áo trắng anh khách-trú ngồi dưới diềm bông đỏ; hai đàng cãi cọ, lời qua tiếng lại om sòm.

Mình ngồi suy nghĩ: không biết ăn trầu có ích gì mà Chà, Chêc, An-Nam, Cao-Mên đều nhai nhai nhỏ nhỏ. Phải chi để tiền mua trầu, cau, vôi, thuốc mà dùng về việc cần ích hơn. Chừng nào không ai ăn trầu cau nữa, thì không ai đang sức mệt-nhọc mà trồng hai thứ ấy làm gì. Phải chi đồng-bào mình đồng hè nhau bỏ tục ăn trầu rồi bỏ luôn không trồng trầu cau nữa. Mỗi gốc cau thế làm một gốc dứa, công trồng một gốc cau để trồng một gốc dứa, thế thì nước Nam mình sẽ có thêm dứa để xuất cảng.

Thấy việc cải-lộn của hai đảng rồi mình lại nghĩ vẫn nghĩ vợ; xong việc ăn trầu lại nghĩ qua việc hút thuốc điếu, vì hơi thuốc nó làm cho mình khó chịu quá, bắt nẩy ra trong trí cái cảm-tưởng mà mình không dám phô ra, sợ mich lòng thiên-hạ. Cảm-tưởng gì mà mich lòng thiên-hạ? Bi-quan chẳng? Trái lẽ chẳng? Thưa, không ăn phải chết, không uống phải chết không hút thuốc có chết chẳng? Một ngày hút hết ba đồng xu thuốc, một năm, mười năm, trọn đời hút hết bao nhiêu? Tiền đồ sông đồ biển...

Thôi! hơi nào mà lo chuyện bá vợ! Cứ chường mặt ra, tự xưng là đồ-đệ Harpagon; không ăn trầu mà cũng không hút thuốc, số tiền mua hai món đó nên để mà đi chơi còn sướng hơn; hoặc-giả để làm của bố-thì còn có hơn hơn nữa.

Tàu chạy ít giờ tới Sa-đec; cập cầu; hành khách lên xuống lộn xộn; kẻ bán bánh rao hàng inh-ỏi, mời-mọc om-sòm. Dựa bến tàu hư-tệ, ghe xuồng nườm-nượp.

Dòm lên thành-thị; mấy dãy phố bán đồ tạp-hóa, nhộn-nhàn kẻ bán người mua. Xen qua, thấy toàn là cửa tiệm người làu, chỉ có một vài tiệm người mình; mà vài tiệm ấy lại bán những đồ không thiết dụng gì. Chợ nào cũng như

chợ nầy: kẻ bán là Tàu, người mua là Nam, nghĩ mà thẹn
thâm cho mình quá. Còn một nổi nữa là trong một vài cửa
hàng người mình ra bán buôn như vậy, bất quá chỉ
muru cuộc sanh-tồn của cá-nhơn. Mua hàng ngoại-quốc về
bán lại cho anh em đồng quận đồng hương để lấy lời thôi.
Chỉ người mình thương-mãi như vậy, dầu hết thấy các cửa
tiệm ở chợ mà có về tay người mình đi nữa, vị tất đã bỏ
ích gì cho thương-trường nước nhà; chỉ làm cho đồ nước
ngoài dễ tiêu-thụ trong nước mình thôi. Thật không phải
cái thuật phú quốc như vậy.

Tàu đậu trong một con sông nhỏ, ghe cộ dập-diều. Bờ
sông bên nầy là chợ-búa phố-phường; người qua kẻ lại, xa-
mã rộn-ràng. Bờ sông bên kia là các ty các sở làm việc của
chánh-phủ và lâu-đài tráng-lệ của quan tĩnh. Một bên thì
náo-nhiệt ồn-ào; một bên thì êm-dềm lặng-lẽ. Một cái cầu
sắt dài nằm ngang qua sông. Tàu tới đó phải đi chậm-chậm
để đợi quây cầu ấy xếp nhịp lại một bên thì tàu mới qua
được. Từ chợ Sadec thì tàu đi trong một cái sông nhỏ luôn.
Hai bên bờ nhà cửa kế tiếp nhau đông-đảo; cây-cối sum-
sia; xem qua cũng đủ biết tĩnh Sadec thanh-mậu vậy. Tàu
chạy khỏi thành-thị một khúc sông, nhà cửa thưa lãn; dân
cư sanh-tụ kém vẻ trù-mật hơn lối gần châu-thành. Đi một
đôi mới thấy một cái nhà ngói đỏ, tường trắng. Trước sân
có hòn non bộ và kiển vật, nào bùm-sụm, căng thẳng, nào
cau vàng, cau đỏ. Một cái hàng rào sắt nhan-nhãn dài theo
bờ sông. Ngoài ngỏ vòng nguyệt, hai bên trụ là hai đôi
liễn chữ Hán mằng xuân, chúc lộc, chúc thọ, chúc phú quý,
vinh-huê. Dựa bực sông là cầu hững mát cát ngay trên mặt
nước. Dưới bến vài chiếc ghe hầu, mũi xanh, cửa lá sặc,

son đỏ vàng. Tàu đi một đôi thì lại thấy một ngôi nhà như vậy; kiêu-mẫu đại khái đều giống nhau. Trước sân là kiền vật; chung-quanh là cau, quít, cam, dứa xanh-um, che tàng mát-mẽ, tựa-hồ như cất kín cái thú nhàn của chủ nhơn vậy.

Không mấy lúc không thấy những nhà lá ba căn; kể bên nhà một cái chuồng trâu ùm-thùm; kể chuồng trâu là một vài đồng rơm, gà bươi xơ-xác. Một đám trâu vàng vài mươi nọc đề cho chủ nhà nhai nhỏ mà nói chuyện cà kê với hàng xóm.

Đất nước mình có tiếng phi-nhiêu, thanh-vượng; kể san-tiền, nghĩ ra cũng có bề dẽ-dàng, nhưng anh em đồng-bào mình sanh-hoạt, ở ăn vẫn eo-hẹp, nghèo khó; quanh năm mắm muối vậy thôi.

Tàu đi xinh-xít, một hồi lại ngừng; chiếc thuyền nhỏ chèo ngay lại mũi tàu cập vô. Một chị đàn-bà ở bên ghe ẩm con bước qua tàu; đem theo đùm-đề một buồng dứa, vài nải chuối, vài buồng cau, một rổ trâu. — Ủa chị đi đâu đó chị Tư? — Đi Long-Xuyên thăm ở-nhà tôi. — Nghe nói anh bị bắt sao đó? — Ở ở-nhà tôi bị nghi là cộng-sản nên bị bắt giam xưa rày. — Tai bay họa gởi thỉnh-linh! nhờ ơn Trời Phật, ít lâu anh sẽ được tha! người ngay củi-lục mần ăn mà khi không mắc nạn. Mà chị đề tang cho ai đó? Chị đàn-bà vừa trả lời vừa rưng rưng hai hàng lụy: tôi đề tang cho bà-già chồng tôi; từ ngày ba sắp nhỏ tôi mắc vòng lao-ly, má tôi lo rầu, không ăn không ngủ rồi ho thổ huyết, mất mấy bữa rày, mới mở cửa má hôm kia đây. — Tội nghiệp quá!...

Minh không phải thầy coi tài tướng, nhưng dầu không lóng nghe câu chuyện, xem qua diện-mạo ủ-dột của chị này cũng đoán biết rằng có cái lo-rầu phiền-não gì đây.

Đi hồi lâu có chiếc ghe kêu tàu mưon dòng. Tàu thồi ít tiếng, ngừng; ghe buộc theo. Đi một đôi gặp ghe khác kêu; hu, hu; ngừng. Dòng theo như vậy một đoàn ghe đến chín mươi chiếc, Tàu đưa bộ-hành, chở hàng-hóa, mà thành tàu dòng ghe. Vì vậy mà tàu chạy rất chậm; bốn năm giờ chiều mới tới Long-xuyên.

Long-xuyên cũng một tỉnh nhỏ ở theo Cửu Long-Giang như Sadec, Vĩnh-Long. Thanh-thị nhỏ hơn Vĩnh-long mà cũng em em Sadec. Việc thương-mãi kém vẻ phồn-thạnh hơn; phố xá ít hơn. Năm nay bị nạn kinh-tế khủng-bách, nên việc bán buôn lại càng lồi-thôi hơn nữa. Thành-thị đại khái cũng như Sadec; cũng có một cái rạch chia châu-thành ra làm hai; một bên là phố-phường chợ búa một bên là các ty các sở của nhà nước; tòa bố, tòa án, buru-điện, dưỡng-đường, học-đường... Một bên xa-mã tấp-nập; một bên lặng-lẽ, trang-nghiêm. Tuy đại khái châu-thành Long-xuyên phurong-phất như Sadec; nhưng theo mắt tôi, nó kém vẻ thanh-lịch hơn. Nhơn-vật ở châu-thành, xem qua toàn là người Nam, người Tàu và một ít người Ấn-Độ. Người Nam ta mỏng-mảnh, nhỏ thó, chớ không phải như ở Trà-vinh, Soc-trăng có Cao-Mên chen vào, hay là như ở Bắc-liêu có người Tiều lẫn-lộn. Địa-thể Long-xuyên cũng như Sadec, Vĩnh-long, toàn là cảnh đồng-bằng, từ đầu năm đến cuối, uống lấy nước ngọt sông Cửu-Long. Tóm một đếu, là dân-cư, cảnh vật, không khác gì hai tỉnh kia. Tàu đi hết chỗ vườn-tược sum-sia, thì đến chỗ ruộng-nương màu-

mỡ. Tàu mắc kéo theo một đoàn ghe nên đi rất chậm ; vì vậy mà ai nấy đều tỏ ý không vừa lòng. Riêng về phần tôi, không lấy sự tàu dòng ghe đi chậm làm phiền, mà lại cho là một cơ-hội may-mắn để cho con mắt xem biết thêm được một vài việc. Phần nhiều ghe dòng theo bừa đó là ghe của người Tàu, hoặc của người mình. Hỏi ra mới biết ghe này lên Châu-đốc, hoặc vô núi Sập chở đá, còn ghe kia chở cau, dừa, chuối, mít lên bán ở Nam-vang rồi đổi cá, khô, đường đem về Nam-kỳ. Có ghe chỉ thấy một vợ một chồng và vài đứa con nhỏ, năm này đến những tháng kia bình-bồng trên mặt nước ; lấy chiếc ghe ấy làm nhà ; sự-sản cũng trong chiếc ghe ấy thôi ; chuyên việc thương hồ, đổi chác như vậy, để làm kế sanh nhai. Ở dưới ghe, một con heo, một con chó nằm đủng ung-dung, chung-chạ với sập nhỏ. Vài bụi hành, tép họ trồng trong cái ơ bể ; một cây ớt trồng trong cái vjm mẽ thêm cái vẻ trang-sức dưới ghe. Chiều lại vợ chồng còn-cái xúm-xít sau lái ăn cơm. Cơm nấu trong cái nồi đất đen, hơi lên ngui-ngút, trã cá kho lọ-lem lọ-linh để kể đó, vài hột vịt luộc dầm nước mắm đưng trong tộ. Vẻ miếng cá kho, cắn trái ớt chín, ăn coi ngon lành ; và chừng hai miếng là hết chén cơm. Mồ hôi mồ hám đổ tuôn. Vợ con ăn rồi, thọc chén xuống sông rửa và múc nước uống luôn. Người chồng còn ngồi nhấp cốc rượu, gặm miếng khô.

Trên mũi ghe kia, năm bảy người ngồi quanh lại đồ bác ; nam nữ lộn-xộn. Kẻ này ở trần đưa cái ngực xam rờng vắn-vện ; kẻ kia thì đầu vắn chẵn. Ở ghe nọ chị đàn-bà nằm tòn-tên trên võng ; mắt lim-dim, vừa đưa vừa bát :

u, σ, « Nam-Vang đi dễ khó về,
Trai vô bạn bè, gái vào tào kè »

Chị kia hát nhiều câu, tiếc không được nhớ, phường-phất cái lối huê-nguyệt phong-tinh, trai tài-công, gái đôi hàng; thương-hồ, trôi nổi, phải lòng nhau, chọc gheo nhau, đối đáp qua lại. Câu hát ở cửa miệng thường dân, phát-lộ được cái tánh-tình thường dân; ăn xổi, ở thì, lảng-loàn, lêu-lổng.

Tàu xinh-xít đi, nước cuộn cuộn chảy; thỉnh-thoảng « xip-lê » rồi ngừng; đoàn ghe từ-từ lội theo. Chiều lại bặt tàu dọn cơm như ban trưa; đồ ăn để trong mâm cây, dọn ngay dưới ván; mời om-sòm. Hành-khách ngồi chồm-hồm vây chung-quanh mâm cơm; ba bốn người chia đĩa vô đĩa đồ xào, đĩa thịt sườn ram, ăn chung lộn nước miễn với nhau. Cách ăn của anh em ta như vậy, trách nào chẳng truyền với nhau mà nuốt các vi-trùng bịnh-hoạn. Tưởng ta nên vì vệ-sanh mà đổi cách ăn lại.

Minh ở nhà cũng ăn như vậy, sao ngày nay lại nghĩ như thế? Có lẽ tại thấy người dưng, kẻ lạ, không ai từng quen biết với ai bao giờ, hôm nay tình-cờ lại ăn chung với nhau một mâm; có kẻ xem hình như bịnh-hoạn mà không ai « gớm » ai hết, nên mình bồng-dưng cảm-giác như vậy.

Tai mắng nghe, mắt mắng ngó, mà vãng hồng khuất bóng không hay. Lúc trưa, tuy tàu chạy có gió, nhưng mấy chục hành-khách đua nhau hớp thanh-khí vô, phà trước-khí ra, lại một nôi bị hơi thuốc điếu và nắng nóng nên coi ai ai cũng mệt. Kẻ nằm lim-dim ngủ, người ngồi lừ đừ ngáp. Chị kia ngồi vạch tóc anh chồng bắt chí; đứa bé con nọ

khóc, mẹ dỡ áo cho bú. Anh bạn tàu, quần cụt tới về ở trần, chạy qua chạy lại, châm trà cho khách. Chú bếp giải tội lột áo ban, gối đầu nằm dài trên ghế bố; thở ra; trông tới chỗ lên phứt cho rồi. Khi mặt trời lặn rồi thì mát-mẽ, ánh-sáng thanh bạch của mặt nguyệt thay vào ánh-sáng nồng-nực, chói-lòa của mặt nhật. Hành-khách lừ-đừ lúc xế; lúc này xem chừng như tươi-tỉnh lại.

Tôi đi chuyến này được hạnh-ngộ gặp hai người bạn đi đường vui-vẻ; về nhà ngồi nhắc lại chuyện chơi phiếm, không thể bỏ qua mà không nói đến hai ngài: Sớm mai vừa bước chơn xuống tàu, thấy thiên-hạ nhộn-nhàng, không biết ngồi đâu cho êm-ái. Dòm quanh-quất, thấy sau lái tàu có hai vị sãi Cao-Mên, định cho chỗ ấy có cái không-khi ôn-hòa; anh em tôi đề-huề lại gần đó. Ban đầu bợ-ngợ, lần lần làm quen, hỏi thăm hai ngài đi đâu? Hai ngài đi thăm đồng-đạo ở Trà-Vinh, nay trở về Nam-Vang. Một người giềnh-giàng cao lớn; đầu tròn, mặt dài, mũi cao, trông mắt đen huyền, ra dáng tề-tĩnh, nghiêm trang, màu da đen sạm. Người kia thì nước da mơn-mởn, mặt vuông, mũi thấp và lớn; miệng hay cười, kém vẻ tề-tĩnh hơn. Tóc, chơn mày đều cạo hết; cả hai đều choàn vải vàng như nghệ, rộng xùng-xinh, chừa một cánh tay và vai ra. Lối bảy giờ rưỡi, tám giờ sớm mai, « bồi » tàu đem cơm cho hai ngài dùng. Hai ngài là môn-đồ nhà Phật nhưng ăn cá thịt. Lối mười giờ rưỡi thì lại dùng bữa nữa. Cả hai đều ra vẻ hiền hậu; mời chúng tôi hút thuốc, uống trà. Nói tiếng Cao-Mên, chúng tôi không hiểu; chúng tôi nói tiếng Nam thì hai vị cũng trơ mắt ngó. Nhờ có người Cao-Mên ngồi gần thông-

ngón giùm. Một lát mới hay rằng hai ngài đều biết chút ít tiếng pháp; nhưn đó bập-bẹ ba cái tiếng pháp, tỏ với hai ngài rằng chúng tôi cũng là môn-đồ Phật, nhưng ăn lê-hoác, không hút thuốc. Ông sãi nhỏ sanh tiếng Pháp hơn trả lời rằng đang Cao-Mên xuất gia tu-hành nhưng dùng đồ nhục-thực; chỉ dùng của bá-tánh dựng cho; ăn lấy đồ hành-khất, vậy nên tuy ăn mặn mà không phạm tội sát-sanh. Bá-tánh sát-sanh dựng cho, chớ không phải tự tay sát-sanh, thế là vô tội. Tôi vui miệng nói luôn với ông tăng, qui-hồ có câu chuyện đề bàn với nhau cho qua buổi, trong lúc ngồi không vậy thôi; «Thưa, nhà tu-hành đã nhận biết sát-sanh, bại mạng là tội; dầu mình không giết hại, nhưng vì mình mà tay khác giết-thác con vật để dựng cho mình tội đối với “thiên-võng khôi-khôi” chắc gì mình không phạm tội». Thôi, tội hay không tội, xin không bàn nữa; tôi không phải quan chưởng-ly âm-ty mà buộc tội; cái thuyết ấy mơ-hồ, không có ý-vị gì, chỉ để dọa con nít và đàn-bà vô-học thôi. Nhưng thưa sư-buynh còn lẽ này: «Trong kinh Phật dạy “từ-bi, bác-ái”. Thú cầm, sanh vật đều biết đau-dớn như ta, giết thác nó để ngon miệng cho ta, e không hiệp với lòng từ-bi, bác-ái của Phật. Phương-chi có sách nói: «côn-trùng, thảo-mọc, thú-cầm nhưn loại, thấy thấy đều là con chung của Thượng-Đế». Giết nhau mà ăn sao nỡ? Cái lối ăn lê-hoác đây, không phải riêng về người theo Phật-pháp mà thôi, người theo thần-linh-học, thôi-miên-học, cũng ăn lê-hoác. Nhiều ông bác-sĩ lương-y cũng mộ sự ăn lê-hoác...»

Ông sãi nhỏ nghe tôi nói, chúm-chím cười; giọng cười lạt, điềm cho câu-chuyện cái vẻ vui vậy thôi; xem chừng ngài hoài-nghi lắm. Vui miệng mà nói với ông tăng mấy

điều, nhưng bụng vẫn nghĩ : ta muốn thể theo lòng Phật, trước hết phải bác-ái với nhơn-loại rồi sau cái lòng bác-ái mới lang rộng đến thú-cầm ; như vậy còn chưa bắt làm xong ; mong chi những chuyện quá ư viển vông. Mấy ngàn năm về trước, Phật-tổ vì thấy cái cảnh tương tàn tương hại với nhau giữa nhơn-loại và thú-cầm mà động mỗi từ-tâm, đau lòng xót ruột, mới xướng ra cái thuyết bác-ái ; thế mà hiện nay cái ngòi chiến-tranh thú-nghịch trong nhơn-loại cũng vẫn còn, mà có lẽ lại khốc-hại hơn xưa nữa. Ôi ! ngày nào còn chủng-tộc thì vẫn còn chiến-tranh, xâu-xé nhau hoài ! Dầu thế nào mặc lòng, ai ai cũng đều công-nhận cái thuyết của Phật là “thậm thân vô thượng”

Hai ông sãi đây là bậc tu-hành, ôn-hòa, thuận-hậu ; nên chúng tôi vẫn thích hỏi chuyện hai ngài, mà xem chừng như hai ngài cũng mến chúng tôi lắm. Đây là cái kính mến, hình như do câu-chuyện mà ra, do cái hạnh người tu mà có, chứ không phải cái màu lễ-phép, cái lịch-sự bề ngoài trong đường giao-tế xã-hội. Chúng tôi dạy hai ông tăng một vài tiếng Nam, hai ngài dạy lại chúng tôi tiếng Cao-Mên.

Tiếng Cao-Mên không khó gì, mà người mình lên ở Cao-Mên doanh-nghiệp cũng đông, nhưng không có mấy người thạo tiếng ấy ; mà có biết thì chỉ biết qua-loa câu chuyện thường đàm, nhưt dụng thôi ; chứ ít ai thấu-đáo chữ Cao-Mên. Nghĩ hai giống dân cùng nhau sanh-tụ trên mấy ngàn năm, đã từng phen giao-hảo với nhau ; hiện thời lại chung chịu cái số-phần như nhau ; thế mà đối với nhau xem ra cũng quá ư lãnh-dạm.

Câu chuyện cà-kê, ông sãi nhỏ tỏ ý rằng ít lâu ngài sẽ hoàn-tục, cõi y-phục nhà tu mà trả lại cho chùa, bước chơn

ra thế để mưu cuộc làm án. Đây là một cái tục-lệ. Người Cao-Mên, từ vua chí dân, ai ai cũng là môn-dồ Phật. Đạo Phật là quốc-đạo của họ. Lớn lên phải vào chùa ở ít năm. Trước khi vào cõi đời loạn-động, cạnh-tranh, thì ai ai cũng phải vào nhà chùa, cầu lấy ít nhiều ánh-sáng đức-huệ để trau lòng tục mình. Nghĩ cũng là một lối huấn-luyện hay. Vậy mà còn điều này tôi vẫn lấy làm lạ là : người Cao-Mên từ thiên-tử đến thứ-dân, cả thấy đều có đi qua cửa Phật ; nhưng ở Nam-kỳ ta, tỉnh nào có nhiều dân Cao-Mên thì đại-hình nhiều. Trong lúc vào học ở chùa, làm sao cũng thấu-thái ít nhiều giáo-lý Phật, vậy mà cái tâm-tánh hung-ác cũng vẫn còn nhiều.

Tàu chạy rề-rề, lối mười giờ khuya mới tới Châu-đốc. Anh em phân tay hai ông bạn đi đường ; hai ông ân-cần bảo về viết thư thăm. Bước đi, xem lại hai ngài có sắc buồn, vì tàu vẫn chạy chậm mà đường vẫn còn xa ; không ai nói chuyện cho khuây-khỏa nữa. Tôi về ngồi nhắc lại hai ông, trong trí còn ghi-giữ một cái kỷ-niệm khá êm-ái. Lúc tàu gần tới Châu-đốc, cảnh hiện ra cũng khá đẹp. Trước mũi tàu, chỗ mút tầm con mắt, ngay dưới chơn trời mờ-mịt, ánh-sáng đèn điện nhấp-nhoáng như sao giăng. Tàu càng tới gần, ánh-sáng kia càng tỏ lặn ; ban đầu leo-lét, sau xem rõ từ ngọn đèn điện ; lần lần phố-phường hiện nhan-nhãn ở bờ sông.

Trời hôm lặng-lẻ, chơn vọt tàu đập âm-âm ; ốc thổi vang dầy ; chậm chậm tới, cập cầu. Ghe thuyền lớn nhỏ đậu lênh-khênh ; nhồi nhảy trên lưng sóng tàu vô-tình đánh thức khách thương-hồ đang yên giấc trong cái « nóp » trên mũi ghe im phăng-phắc. Bực sông cao ngang mũi tàu. Đêm



khuya vắng vẻ, tiêu-hiu ; ở bến tàu chỉ thấy thấp-thoáng mấy cái xe kéo, vài chú xa-phu, bóng anh tuần-cảnh. Anh em mang lại Bungalow ; tối-mò, vắng-tanh. Đánh thức người « bồi » dậy. Hết phòng. Mang lại chợ, gặp người « bồi » phòng ngủ ; thấy chúng tôi có đồ hành-lý, biết là khách lạ ; niềm-nở mời, nói là nhà ngủ annam, mới lập, có phòng sạch-sẽ. Chúng tôi theo về phòng. Đêm đã khuya, đánh nghỉ tạm đó. Một ngày ở dưới tàu đông-đảo, rộn-ràng ; ba anh em đều toi-tả, mệt đừ ; tưởng tới đây nằm ngủ im ; ai dè vừa đặt lưng nằm, bên phòng kia bọn làng-chơi, đang-điểm hỉ-lạc om-sòm. Câu chuyện của họ tục-tằng thô-lồ làm sao ! Muốn bẻ hai lỗ tai. Tiếng dâm-ô, lời nhe-nhóp, giọng sồ-sàng nó vẫn lọt vào. Thương hại cho những linh-hồn đọa-lạc ở a-tỳ. Để mặc tình họ khiếm lễ phép, nín mũi chịu một lát là êm, chớ đêm khuya tâm-tối đi đâu bây giờ.

Đời có nhiều trò chơi : có cái chơi thanh-tao, có cái chơi hèn-dở. Người có nhiều tâm-tánh ; có tánh thích ngon ngọt mà cũng có tánh thích chua cay nữa. Vậy người có tự-do xây-trở cuộc chơi mình theo tâm-tánh mình. Nhưng không đồng tâm-tánh mà phải hợp là khờ ; dẫu cho một giây một lát cũng là khó chịu. Rượu mà cho đến say, đến ói mửa, đến mất cả phải quấy thì cũng là tâm-tánh ưa cay.

Mấy anh em bị cái không-khí nặng-nề ô-trước ở khách-sạn kia một đêm, sáng ra không được khỏe-khoảng. Một lần xin tởn đến già ; không dám tái bước lại nhà ngủ đây nữa.

Sáng dậy sớm lại chợ đón xe vào núi Cẩm. Vĩnh-long Châu-đốc không cách bao xa ; thế mà mình mới biết Châu-đốc lần này là lần thứ nhì, nhưng chỉ đi qua mà thôi. Nhớ mấy năm về trước, viếng Châu-đốc lần đầu nay vẫn còn giữ

một mối cảm-hoài khá êm-dịu. Thành-thị ở ngay trên bờ sông Cửu-Long. Dinh quan chủ-tỉnh, tòa bố, nhà bu-điện, khách-sạn Bungalow và một cảnh chùa lộng-lẫy đều day mặt dóm sông. Cảnh vật xem cũng khá xinh. Chiều bắt xe đi núi Sam ngoạn cảnh giải khuây cũng tiện; hoặc xuống chiếc đò con, qua xóm Châu-Giang chơi cũng lý-thú. Nhớ lần đầu đi ngang qua đây, xem qua nhà cửa người Mã-Lai, lấy làm lạ; phần nhiều là nhà sàn. Máy nhà tôi được biết đều có quây tơ, kéo chỉ, dệt chần. Không-cửi, bàn dệt đơn-sơ. Con nit kéo chỉ. Đàn-ông cũng biết dệt như đàn-bà. Vào nhà thấy vợ chồng con cái đều lụm-cụm làm, duy có ông già, bà lão ngồi điềm-nhiên suy gẫm. Cảnh nhà như vậy, xem có vẻ êm-ấm lắm. Tánb-tình người Chà cũng mềm-mỏng, nhã-nhặng. Họ cũng giàu lòng tôn-giáo lắm. Sớm mai dậy, day mặt về hướng đông, lạy chào Thái-Dương chiếu-diệu, chiều Thái-Dương lặn, day mặt về hướng tây, bái mấy cái gọi là cái lễ tiền đưa: Vàng Thái-Dương là nguồn sự sống trên thế-gian này; nhờ yển sáng chói-lòa của nó ta mới được ấm-áp, mới trồng-trỉa được, mới có cơm ăn, áo mặc. Vì bằng Thái-Dương không mọc lặn, thì quả địa-cầu này ắt trở nên một cõi tử; không sanh-vật gì còn sống sót đặng. Cách họ chiêm-ngưỡng cũng hữu-lý. Phải chi họ đồng-bè, đừng lạy đưa lạy rước nữa, để cho Thái-Dương ngưng phục cuộc tuần-hườn đi rảnh.

Người Mã-Lai đây có tiếng hay việc phù-thủy, giỏi cái phép « tom » để chữa bệnh. Nếu thù oán ai thì « thư » cho chết. Thấy sử nói họ gốc ở hải-đảo ngoài biển Trung-Huè, xưa kia cỡi thuyền vào buôn bán, mấy phen xô-xát với Cao-Mên.

Ở bến xe suốt giờ thật nhức mình quá. Ai có lạ gì cái lối xe hơi nhỏ đưa hành-khách : bắt mỗi, giựt hành-lý của khách để đại trên xe, xô đẩy, cãi cọ, trừng giỡn, gây lộn...

Mới ra khỏi nhà một ngày một đêm, mà trông thấy nhiều điều nó làm cho mình hầu như có cái cảm-giác bi-quan vậy : giá cả lên xuống, kèn cựa một đôi cái bạc mà đến mắng nhiếc nhau, nặng nhẹ nhau thậm-tệ. Hèn chi Phật-tổ nói cõi đời là bể khổ bến mê. Nó đã là bến mê bể khổ rồi, mà người ta chẳng những không lấy cái ôn-hòa mà đái nhau, để khuấy khỏa linh-hồn trong khoảnh-khắc ngắn ngủi năm bảy mươi năm trên cõi phù-sanh này, để cho đường giao-tế của Nhơn-loại với nhau được hòa-nhã, mà lại khéo bày lăm trò để đẩy xô nhau làm cho thêm khổ-sở nữa. Chi vậy? Năm bảy mươi năm là bao lâu! Thương nhau, thuận-hòa nhau, cho cái không-khi được nhẹ-nhàng, cái sống được ôn-tôn để cùng hưởng ít lâu rồi ra đi nơi cõi khác, hà-tất gì mà lại làm cho tung-bừng khi trước để tự giết với nhau.

Ngồi đợi xe, nghe câu chuyện lổ-lăng, thấy cử-chỉ xằng-xịu mà bắt nghĩ vợ nghĩ vãn.

Lối tám giờ, hành khách chật, xe khởi chạy. Đò một khắc đồng hồ thì tới chơn núi Sam. Dòm lên, đá trời cây cằn, không có chi là đẹp ; nhưng cũng thấy thoáng qua một vài cảnh chùa, ngọn tháp, pháo-dài trên chót. Chúng tôi đi nhằm ngày mồng năm tết nên ban đập đá chưa khởi công làm. Bị ngày giờ eo-hep, nên không ghé du-ngoạn trên ngọn núi này được, lòng vẫn tiếc. Xin hẹn kỳ khác. Ngồi trên xe ngó mông bốn phía trời, thấy xa xa lúp xúp nào núi nào non, cái lớn cái nhỏ, màu xanh đậm hơn da trời một chút. Tệ bạc cho tôi, không được biết tường-tận địa-dư tổ-quốc, chỉ

học qua-loa địa-dư ở học-đường lúc còn bé, nên biết có núi Sâm và Thất-Sơn thôi; đè đâu còn nhiều ngọn non khác nữa. Mắt chỉ quen thấy núi trên bản dư-đồ, trong tranh sơn thủy; không từng xem núi thiệt ngoài mặt đất; nay ra trước cảnh vật bao-la đối với cái nhãn-quan eo-hẹp; ngo-ngáo, không nhận biết, không phân biệt được hết mấy ngọn núi. Mảng học địa-dư đâu đâu, mà dốt ngay quê cha đất tổ. Nhớ mấy năm trước, mắt trông thấy cảnh-vật lần đầu, lấy làm ngạc-nhiên, lòng bâng-khuàng cảm xúc. Em Bảy nay hai mươi mấy tuổi đâu, mảng lần-quần xó nhà, mới thấy cảnh núi lần này là lần thứ nhất, có lẽ lấy làm lạ nhiều.

Xe ù ù chạy, vụt vụt tới; một hồi lâu đến chợ Nhà-Bàng. Chợ ở giữa, tư bề là núi. Chợ nhỏ, nhà nhóm ở giữa, hai bên năm bảy căn phố ngói, còn bao nhiêu là nhà lá đối diện. Khổ-khan, không rạch ngòi lưu thông. Nghe đâu như ở đây phong-thổ không lành; mấy ngọn non chung-quanh là hoang-vu, ít dân cư ở, chỉ có vài xóm nhà Thổ thôi. Ngày mồng năm tết mà quang-cảnh không có gì khả quan. Người mình và Cao-Mên mua bán lẫn lộn. Chị Cao-Mên, tóc hót cụt, mặc áo đen, vắn chần sọc, bán nước thốt nốt đựng trong ống tre; trong ống tối-om, trong nước lại có bỏ lá cây nữa. Thấy mình lại gần, chị Cao-Mên mời uống, giọng nói phơn phớt nhẹ. Mình cười trả lời không khát nước, trong bụng lại nói cách khác: xin cảm ơn, xem qua cũng đủ bợn-da rồi. Vài ba chị khác bán dưa bầu, ngồi phơi tấm da đen giữa trời. Một chị khác nữa cũng ô-giề, kệch-còm, mặc áo nhiều nu bit-bùng, tay trái dặc đũa con mắt mày lem-luốc, hình vóc bậm-trợn, tay mặt xách một buồng trái thốt nốt; anh Triều-châu kêu lại hỏi mua: «bờ-ram xên»

(năm xu) — « bi xên » (hai xu). Hai đảng nói tiếng Cao-Mên, mình không hiểu gì hết. Anh Triều-châu nói tiếng Cao-Mên nghe cũng giòn-giã.

Nhiều người bình phẩm tánh-nết người Cao-Mên đều công-nhận rằng phần đông đàn ông của họ biếng nhác, ưa uống rượu, không bằng đàn bà, vì ở trong « sóc », thường thấy lắm người đàn bà làm-lụng ngoài đồng, chăm-nom việc nhà, còn đàn ông chỉ đi nghề-u Nghển trong rừng, gài bẫy bắt chim rừng, thú rừng về « nhậu » thôi.

Ở Nhà-Bàng đây có ba mối đường: một ngõ đi Châu-đốc, một ngõ đi Nam-vang; ấy là con đường chúng tôi đương đi; còn một nẻo đường nhỏ độ ba cây số đi lại chợ Cây-Mít. Chợ này ở bờ kinh Vĩnh-Tế, chỉ là một xóm nhà vài mươi cái, làm cửa tiêu-thụ đồ hàng-búa của chợ Nhà-Bàng. Ghe thuyền chở hàng-hóa Châu-Đốc và Hà-Tiên đem lại Nhà-Bàng thì đậu tại chợ này. Thổ-sản ở Nhà-Bàng muốn bán đi chợ khác cũng đem lại chợ Cây-Mít đây mới có ghe-thuyền châu-lưu đi.

Xe đậu tại Nhà-Bàng lối nửa giờ mới khởi chạy. Hai bên vẫn thấy rừng bụi hoang-vu xơ-xác; hết lúc rừng bụi bỏ hoang thì tới nơi ruộng rộng, đất giồng phơi ngọn rạ khô, lúa đã gặt; không bao giờ gặp cảnh cây-cối tươi-mướt như Vĩnh-long Sadec. Có vườn gòn khá rộng, vườn dừa khá nhiều, nhưng không tốt; có lẽ huê-lợi không thành. Lối gần đưng ngõ mới tới chơn núi Cấm. Xe ngừng trước thất Bửu-Sơn. Kiểu chiếc xe đã đưa mình tới đó, xách mở hành lý vào chùa ở núi. Chùa ở giữa một khoảnh vườn độ chừng nửa mẫu, chưa có cây cao bóng mát gì. Chùa mới tạo, chưa có hiệp-thiên-đài, cửu-trùng-đài; trước là chánh-điện, sau

là một dãy nhà lá để người thủ-tự ở và tin-đồ hội-hợp lúc rằm-nguơn. Chánh-điện rộng lợp lá, nền đất, vách vôi. Giữa thờ Thiên-Nhãn ra vẻ tôn-nghiêm, hai cặp bạch hạc đứng châu. Bên tả thờ tượng đức Quan-Âm; bên hữu thờ tượng Quan-Thánh Đế-quân; có hình Châu-xương, mặt đen như mực, trợn cặp mắt, lộ trông trắng tròn-vin dường như hăm he, dọa nạt kẻ bất lương bất nghĩa, tay cầm thanh-long-đao rất oai-nghiêm, tựa hồ như đợi lệnh mà ra oai-hùm trăm sát.

Chúng mình nặng tình tôn-giáo, tin rằng võ-trụ cần-khôn không phải hỗn-hợp mà có, ngẫu-nhiên mà thành; võ-trụ bao-la vẫn có thể-thống có trật-tự, có thiên-lý chi-phối hết thấy. Chúng mình tin có đấng Thượng-Đế là cha chung, là chúa-tạo; mà nhơn-loại trên địa-cầu này cùng muôn vạn quả cầu khác, đều là con-cái của ngài, tức thì là con một cha. Chúng mình tôn trọng người là từ-phụ, là cha lành đã ban cho diễm lương-tâm, biết thương người, mến vật, biết phải, biết chằng. Còn bày đặt lối thờ-lạy, hình tượng, nhan đèn, nghĩ rườm-rà quá.

Có kẻ đại ngôn rằng mỗi đạo Tam-kỳ là mở chung cho cả nhơn loại; thế mà thấy thờ hình Quan-Thánh Đế-Quân là một bực đại thần nghĩa khi trung cang trong sử Trung-quốc là một khoảnh đất ở Á-Đông cũ-mềm già cõi này có ảnh-hưởng gì đối với hoàn-cầu, với nhơn loại. Ai ở đồng thời với Quan-Thánh Đế-Quân được thấy dung-mạo ngài, hầu vẽ hình ngài ra mà thờ, mà ngài có bảo ai thờ ngài làm chi đâu, nghĩ thật lếu quá.

Xin đồng-đạo bớt ham thờ-lạy; lo tu tam dưỡng tánh, diệt-trừ tư-tướng xấu, thương yêu nhơn loại làm hơn. Lấy lý cần-hạp mà suy, đức Quan-Thánh Đế-quân là một bậc trung

ngĩa tâm-liệt, ta nên kính trọng và noi theo gương ngài mà ăn ở cho được trung-ngĩa như ngài, nhiên-hậu được lưu danh muôn thuở; chớ thờ-lạy ngài, phỏng có được trung-ngĩa chăng? Phạm muốn học nghề gì, ta tri-chí, kiên tâm tập nghề ấy, ít lâu tất thạo; chớ ta cứ sùng bái, lạy-lục ông thợ hoai, vì-tất cái nghề kia bỗng-dưng sang truyền cho ta được?

Hi-vọng cho mỗi đạo ngày một hoằng-khai, tin lấy đức háo-sanh và lòng từ-bi quảng-đại, của đấng Chí Tôn rồi thể theo đó mà trau-giồi tánh nết, cho hơn-loại với nhau ăn ở hòa-thuận, bớt lẫn cái mối thống-khổ; chớ sùng-bái, bưng đèn, cúng-quái, nhằm không bổ ích gì.

Những ai là người thương đạo mến đời, muốn rộng mở nền đạo để cho nước Nam nhà có một nền tôn-giáo chánh-đáng, nên do theo phương-pháp truyền-bá của đạo Thiên-Chúa mà phổ thông mỗi đạo cho có cơ bền-vững. Còn lối góp tiền bạc của tín-đồ, lập một vài cái chùa tạo-phạo, ít lâu hư-sập, xin đừng.

Hết lòng cầu khẩn cho trong một thời-gian gần đây, hội-thánh thành lập cho đàng-hoàn; mỗi một tỉnh sẽ tạo một cái thất lớn, chắc-chắn như nhà thờ Cơ-Đốc-giáo. Đến ngày sóc vọng, tín-đồ hội-hiệp, tâm-niệm rồi về; chớ cái lối bày ra ăn uống như hiện giờ ở mấy thất, thiệt mười phần bất tiện. Chừng có thất bền-vững rồi, lần lần sẽ tạo ra học-đường, nhà nuôi con nít và công cuộc giúp đời khác, đại khái như gương Cơ-Đốc-giáo.

Mỗi người chức sắc nam nữ hiến thân cho đạo sẽ là tay có học-thức, có nghề-nghiệp, có tư-cách; xuất thế mà không yếm thế; chớ không phải ăn không ngồi rồi, mang y-phục đỏ-xanh như diễn tuồng tài tội-nghiệp cho mỗi đạo lắm.

Minh vốn có duyên với mỗi đạo; thấy hiện tình nên đạo mà sanh lòng hoài-nghi, sợ cho lâu ngày giáo-ly bị hoại, thành ra một lối tín-ngưỡng xiên-quàng, nên có mấy lời kỳ-vọng; không biết có ai rõ thấu tâm can cho nhĩ!

Nằm ở thất Bửu-Sơn, mơ-màng một lát rồi ngủ; xế lại, lối một giờ ngoài, đặng sơn, lên viếng cảnh Nguyệt-Minh-đài và chùa ông Đức-Minh.

II.— Thất-Sơn

Những núi ở Châu-dốc, Thất-Sơn là cao hơn hết. Ở xa, trông thấy lỗ-nhổ mấy cụm non xanh; ngọn cao, ngọn thấp, cái nhọn, cái tròn lẫn với màu trời. Bây giờ, lại gần chơn, ngửa mặt dòm lên, ngọn cao chơn-chở, cây cối sum-xuê, không mấy chỗ trông thấy đá trơ-trọi như núi Sam. Cảnh-tượng lấy làm ngoạn mục, chẳng phải xanh-ngắt một màu, nhưng có chỗ đậm, chỗ lọt, chỗ lục, chỗ thanh; vàng là lá chín, xám là lá khô, hồng-hồng ửng đỏ, thêu một bức tranh thiên-tạo kỳ-tú, vừa xinh-xao, vừa đẹp-đẽ; ngắm xem không chán bao giờ, vì bức tranh cây núi ấy tùy theo thì giờ mà thay đổi màu sắc, hình trạng luôn. Có lúc làn mây phất phơ bay áng đầu non, xem càng thêm lịch. Không biết tại mắt mình không từng xem cảnh núi, nên lạ, mà coi ra đẹp như vậy chẳng! Có lẽ vì đó một phần.

Tám đã chơi núi này rồi một lần, nên đi trước dẫn đường. Theo lối mòn, đi quanh-lộn dưới chơn một hồi thì bắt đầu trèo đá. Đường nhỏ, hai bên cây rừng sầm-uất nên đi dác trưa như vậy mà không nóng-nực gì, vẫn mát-mẽ như ban mai; thỉnh-thoảng bóng mặt trời lọt vào lá cây, chói xuống. Lúc đầu không lấy gì làm thú-vị; chỉ cây cối um-

tùm, tựa hồ như đua nhau mà mọc, như nương nhau mà lên, cây nhỏ công-queo đủ chiu, đủ phía, nằm ngang, nằm dọc; dây này leo bò trên cội kia, quẩn-quiu như mấy con trườn-xà; rễ bò trùm-lum, chen trong kẹt đá, hoặc tòn-ten vớ niu nhánh cây.

Chun dưới cây; leo lên đá; chân vẫn bước; mắt vẫn xem; ù-ù gió thổi; lác-đác lá rơi. Kia bầy vượn chuyền lia, chuyền lia, xít đu trên ngọn cây, tự-do trong rừng rậm. Nọ đoàn chim liú-lo, thanh-thót, thông-thả trên cây cao, tha hồ bay liệng, mặc sức hát kêu.

Đi quanh-co theo lối tiều, dấu mực, leo trèo một lát, ngồi ngay trên đá nghỉ chơn. Tản đá nhỏ chập-chồng trên khối lớn, hòn nọ đè hòn kia, như lơ-chơ lỏng-chông. Đứng trên khối đá gio ra, dòm xuống thế; thấy nhà nhỏ, lúp-xúp như núp má. Nghỉ một hồi, khỏe-khoảng rồi đi nữa. Nghe suối chảy ro-re đàng xa, êm như tiếng đờn, tạo vật khảy măng người viếng cảnh. Càng đi, càng khoan-khoái, nhẹ-nhàng trong lòng. Tiếng chảy càng mạnh; đi trờ tới; ngọn tiều-khe uốn-quanh trong kẹt đá; từ trên đổ xuống; nước trong như lọc, sáng như gương. Thọc tay xuống, mát lạnh. Đi từ trưa đến giờ, bụi-bậm đã nhiều, mồ-bôi đã ỷ áo; rửa ráy cho mát mẽ. Ngồi nghỉ giờ lâu. Trong mình khoái-lạc, vui vẻ; cái vui ngây-thơ như trẻ con. Nhớ xem sách, thấy nhà văn-sĩ Pháp là Rousseau tiên-sanh táng dương lối đi bộ, cho là phương tiện và lý-thú. Nay mới hưởng được phương tiện và lý-thú ấy; phấn-chấn trong lòng, tâm hồn điều-hòa với cảnh vật êm-ả, diu-biu; bắt giác cất giọng:

Re-re dòng nước chảy tuôn,
Lộn-quanh, quanh lộn, rần luồn hang thâm.
Chen kẹt đá, chảy ngấm-ngấm,

· Giọt lơ-lửng dờ, tiếng cầm nhật-khoan.
· Trọ nòng khỏe khách du san,
· Mảnh gương thiên-tạo sẵn-sàng soi chung.
· Nước dương tẩy sạch bụi hồng.
· Khe trong tấm mát, vui lòng phàm nhân.

Ngồi nghỉ một lát rồi đi nữa. Đang đi, nghe ồ ồ trên cây; dòm lên, vài con chim lớn bay thắm-thoát; ấy là chim hồng-hoàng, cao-cát gì đó; tiếc không thấy rõ. Loại chim này không ở thấp bao giờ; lúc sáng cất tiếng kêu vang cả rừng.

Gặp một người vạm-vỡ, quảy hai quày chuối xiêm, đi xuống. Tuy lạ-lùng, nhưng cũng chào qua, để hỏi chừng đường rồi tách dặm. Lối bốn giờ, để chơn vào một nơi bình địa, không còn dốc đứng nữa. Theo lối mòn, lội càng trong tranh phủ khỏi đầu. Bỗng đứng thấy hiện trước mắt một vườn chuối xanh-ngắt và mấy cái lều tranh tỉnh-mạc. Ấy là cảnh Nguyệt-minh-đài. Đi vào ngay thảo đường lớn là chỗ thờ — lớn là sánh với mấy túp chòi lơ-thơ kia mà thôi, chớ cũng chỉ là một cái trại sơ sài — nóc tranh, vách ván đỡ nắng, che mưa, không có gì là rộng-rải.

Thấy mấy cậu trai trẻ đang ngồi chơi; không ai biết ai hết. Chào hỏi ra, mới hay rằng mấy đạo huynh là người ở Châu-đốc vào viếng cảnh như chúng tôi. Một hồi, có người mặc áo vải đen dài đi vào, cúi đầu thi lễ. Người vóc-vạt vạm-vỡ, ô-giề, kịch cộm; nắng nám màu da sẫm sẫm, tóc mé tóc đỏ hoe; ruồng rùng bàn tay đã chai, lội núi gót chân đã rồ. Xem dung-mạo, biết ngay là người lam-lạ làm ăn, đã từng chải nắng dầm sương, đem giọt mồ hôi mà đổi lấy món ăn với tạo vật, chớ không phải phường văn gàn, cao giấỵ như chúng tôi. Tánh-tinh chất-phát. Nghe nói hiền-huynh đã quyết chí

đứng ngoài vòng đào-chú, đoạn âm. Người võ, nên chuyện
lâm xem cũng võ thật. Quyết lòng tu-hành, tuyệt dục mà
đoạn đến dương-vật, nghĩ cũng các-cớ quá chừng !

Câu chuyện hàn huyên; bàn về việc tôn giáo. Ý-kiến đạo-
huynh cũng như phần đông, tin có đức Thượng-Đế là chúa-
tể hơn vật, là đấng Tạo-Hóa chuởng-quản vũ-trụ ; tin
rằng mỗi người đều có linh-hồn bất tiêu, bất diệt. Tu hành,
tri trai, thủ giới để cho linh-hồn dặng nhẹ-nhàng, siêu-xuất
ra ngoài cõi trần-hoàn ô-trược.

Đạo huynh đặc đi xem chồ thờ trong một cái thảo-lư vách
ván, tự tay đốn cây rừng làm lầy; đơn-sơ, giản-dị. Thờ
thiên-nhẫu ở giữa, hữu thờ quan Thánh-Đế Quân, tả thờ
phật Quan-Âm, trước thờ Hộ-Pháp cũng như mấy thất
khác, không có gì đáng quan tâm. Đạo huynh cùng ba thân-
mẫu và mấy em lên tạo cảnh này vừa được vài năm, ẩn-dật
chốn lâm tuyền cho xa cách thế-tục để dễ bề tu luyện.
Tướng mai danh, ẩn tích chốn cùn cốc, thâm sơn, không ai
lai vắng ; chẳng dè anh em đạo hữu biết là nơi thắng cảnh,
tới lui càng ngày càng thêm đông.

Lúc đương bàn-bạc cùng đạo huynh, một người trai-trẻ
mặc, y-phục trắng, ra dáng người thành-thị, mạnh-mẽ, ở
thảo-lư ngoài đi vô ; chào hỏi, nói là người ở Bạch-giá đi
viếng-cảnh; lên đây mấy hôm, mến cảnh, mến người nên ở
lại ít lâu học-đạo. Còn một đạo-gia nữa ; đen-dúa, sạm-sôi,
mạnh-bạo, mặc nâu-sống, tay cầm tràng hạt to, hình-dạng
thật lâm-tuyền lắm, nói là có nhà ở núi đây.

Mình không dè ở trên núi cao, rừng sâu như vậy, mà vẫn
có người ở.

Đàm-đạo một lát, ra ngoài ngắm xem cảnh-vật. Chỗ này là một cái cao-nguyên trên nửa chừng núi; hình như lòng chảo; chung-quanh cây rừng sầm-uất, cỏ thò cao ngất, thông già xanh-um, chim kêu, vượn hú. Kể về phong-cảnh, không lấy chi là đẹp lắm; có đẹp là ở cái vẻ đìu-hiu, lặng-lẽ; hiệp cho người ăn-dật, thích nhàn rỗi, ưa tĩnh-mạc. Địa thế khá tốt, có giếng nước ngọt; đất-cát rất ym; cỏ-hoa chung-quanh thảo đường cũng khá xinh-lich; chuối, khoai, bắp, đậu nhờ tuyết trên cao nên tươi-nhuận; chi-độ quanh năm cũng đủ.

Hỏi thăm cảnh vật; được biết rằng trên Thất-sơn này, đại khái có bốn cảnh: Nguyệt Minh-dải đây là một; còn cảnh ông Bảy Do là xưa, nay đã vô chủ, chỉ còn di-tích mà thôi; có chùa Ba Đạo là lớn hơn hết; kể nữa có chùa ông Đức-Minh — Ngày sau đạo qua cảnh này sẽ nói đến — Trên đây là bốn cảnh nhân-tạo ở núi này; còn về thiên-tạo thì có Thạch-Hà-dộng, Giang-hà-dộng và động đá-dụng. Ấy là những hang đá hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc sâu, hoặc cạn; người tu núi có thể ẩn vào hang ấy đỡ mưa, nắng được.

Tà huy vừa khuất bóng thì ai nấy đều lạnh; mặc hai ba mớ áo mà còn run. Đốt lửa lên cho bớt lạnh, ngồi quanh trên một cái chông vạt sơ-sai, bàn chuyện nhảm cùng nhau: Có ông giáo-hữu ở Châu-Đốc lên tới hồi nửa chiều; người yếu-đuối nên trèo núi mệt, nằm ngủ từ hồi lên; bây giờ khỏe, nói chuyện, chúng xúm nghe. Người kiêm cả cựu học và tân học; để tóc và râu ra dài; tánh khiêm-tốn; nói chuyện rành-rẻ; thuật lai-lich quan phủ C. là người tai mất trong đạo Tam-Kỷ mới vừa liêu đạo. Lúc đang này ngồi nói chuyện nhảm, có một người đạo mất mờ, qui trước

thiên bàn, đọc thuộc lòng kinh sám hối, nghe cũng khá êm tai. Có đoạn bắt dùng mình, rợn tóc, ghê sợ quá; nào là:

« Âm-dài gông trông sẵn-sàng,
Chờ khi thác xuống cõ mang hành hình;

nào là :

Nói lời tức-tửu không nhường,
Tội-hành cắt lưỡi trăm đường ghê thay !

nào là :

Con bắt hiếu xay, cưa, đốt, giã,
Mồ bụng ra phanh rã tim gan;
Chuyển thân ở lại trần-gian;
Sanh làm trâu chó đội mang lông sừng.
Kia những gái lầy-lùng hạnh xấu,
Bỏ vac đồng đốt nấu rục xương.

nào là :

Giáo gươm bén nhọn tư bề
Chém đâm máu chảy tràn-trề ngực môn ».

Kinh có mấy đoạn như vậy; không hiểu giữa thế-kỷ khoa-học, máy bay lên tận mây xanh, đèn-điện chói-lòa thế giới, mà còn có ai tin chẳng ?

Mình thì suy nghĩ vậy, còn anh đạo kia vẫn đọc. Có mấy câu này thoang-thoảng nhẹ :

« Sang giàu chẳng khác như mây,
Khi tan khi hợp đời xây không thường.
Việc sanh-tử như đường chớp nháng,
Bóng quang-âm ngày tháng dập dồn.

Lo danh-vọng hao mòn thân thể,
Ham làm giàu của để bằng non,
Một mai nhắm mắt đâu còn.

Còn hoi-hóp tranh đua bay nhẩy,
Nhắm mắt rồi phải thấy lợi danh »

Minh thì mê-mệt lợi danh, mà nghe anh đạo kia ru mấy câu như vậy; lòng cũng man-mát.

Lối tám giờ ngoài, lạnh quá, ai nấy đều đi ngủ. Hai anh em ngựa nghiêng trên một cái chông, ở mái thảo-lư trống-trái, dưới bóng trăng vắng-vặc. Nằm giữa chừng núi, ngắm xem vầng nguyệt thanh-bạch, lững-dững trên không-gian, muôn vàn tinh-tú long-lanh lúc tỏ, thấp-thoảng lúc mờ trên chỗ tích mù xanh. Cảm khái vô cùng; linh hồn như lơ-lững mấy tầng mây, dật-dờ trong cõi mộng.

Suy nghĩ: cái ánh sáng lầu lầu của gương Nga thật là tối đẹp, tối xinh; khi đầy, khi vơi; thoát mờ, thoát tỏ, khéo gợi hồn thơ làm cho biết bao nhiêu tao ông, mặc khách cảm-hứng mà ca vịnh, ngâm-nga. Từ xưa đến nay thi-gia, văn-sĩ đề vịnh rất nhiều, mà mỗi người cảm hứng mỗi khác. Gương Nga thật là cái nguồn thơ lai-láng vậy! Dầu cho kẻ nào ít tinh-tử thế mấy đi nữa mà hề ngắm bóng trăng thanh, soi gương nguyệt tỏ cũng phải cảm xúc mà ngợi khen là thanh-thú.

Minh lúc nọ, tuy lạnh nhưng cũng cảm hứng như muốn ca, muốn hát, song rợn hoài không ra câu gì, chỉ nhớ mấy câu sáo cũ:

Cao sơn lưu thủy...

Minh-nguyệt thanh phong...

Lúc bình thường đọc không lấy gì hứng-thú, mà lúc nọ đọc lên thì hứng-thú vô ngần; thật là cái cảnh thanh-nhã của tiên-gia; nhàn-rồi ngâm-nga; thi, đàn, cờ, rượu; bụng không còn muốn thiết gì đến tục lụy, trần lao nầy nữa.

Cổ nhân thường lấy mặt nguyệt tròn khuyết, tỏ, mờ, mà ví vào cuộc đời thanh, suy, bỉ, thối: tròn rồi đến khuyết, lúc tỏ

còn có lúc mờ; đó là gương nga mà còn vậy; kiếp đời ta đây, hết thanh đến suy, hết vinh rồi nhục; ấy là lẽ thiên-diễn, có gì phải buồn lòng, sốt ruột. Cũ-kỷ thật mà cũng ý-vị thật!

Một vầng bán nguyệt treo trên không trung; lúc đầy thì cũng chỉ bằng miệng tô là cùng; vậy mà trong sách nói là lớn lắm, chỉ nhỏ hơn địa-cầu ta có năm chục lần thôi, nhưng tại cách xa trái đất tới 85 ngàn lý mà mắt ta xem ra nhỏ. Còn địa-cầu lại nhỏ hơn mặt trời cả 130 vạn lần, mà mặt trời nguy-nga, chiều-diệu ban mai cùng các hành-tinh hiệp thành thái-dương-hệ, cũng chỉ là một bộ-phận nhỏ-mọn, chìm mất trong cõi không-gian vô-biên, vô-giới. Xem thế thì trái đất mà cả như loại lam cái tràng hoạt động tung-hoành đây, chẳng qua là một hạt bụi nhỏ-nhen đối với cõi vô tận, vô cùng vậy. Thế mà võ-trụ bao-la, không bờ, không bến, không lấy trí-óc ta mà tưởng tượng ra được, nhưng vẫn có trật-tự, có thể thống, không phải hỗn tạp bao-giờ. Hần-hà tinh-tú, tuần hườn xây chuyển, chẳng hề đụng chạm nhau. Mặt nhật, mặt nguyệt, vẫn mọc hướng đông rồi lặn hướng tây; đời đời kiếp kiếp không sai chạy ly-hào, không mất cái nhịp-điệu thiên-nhiên bao giờ.

Nhà hiền-triết Voltaire nói: « Ta thấy cái đồng hồ, không sao không tưởng đến anh thợ đồng hồ. » Thấy hiền nhiên trước mắt sự-vật la-liệt, võ-trụ bao-la, ta không sao không nghĩ đến tay thợ tạo. Mà tay thợ tạo ấy là ai? có phải là Trời, là Chúa, là Thượng-Đế... chẳng?

Vô thần, hữu thần, mặc tình người tín ngưỡng. Riêng về phận yếu-đuối, mờ-ám mình đây, thì ví dầu như ông xanh không có di nữa, mình cũng nên yên tâm mà công nhận sự tồn-tại của ngài là đấng chi Đại, chi Tôn, toàn trí, toàn năng, tận thiện, tận mỹ; để tự giải sự tạo thành võ-trụ này:

Khuông-thiên phải có mới được, không thì lấy ai soi thấu những nỗi u-uất trong lòng người, an-ủi cho những quả tim thống-khổ, lau lấy giọt lệ chúng-sanh tích thành bể ở cõi thế này. Tạo-công phải có mới được. Vậy xin hỏi : tạo công sanh ta ra đây có ý gì? Ta ở cõi nào đến đây? Đua chen, vung-vẩy vài mươi năm dưới bóng nhật, nguyệt này, rồi khi tắt nghỉ, cái « biết » của ta về đâu? Thoảng như không có nhơn-loại trên cõi địa cầu này thì có hại gì chẳng?

Mơ mơ màng màng, cái « biết » đi đâu bao giờ không hay. Ngủ một giấc dài; chừng thức dậy thì vàng hồng gần lối mọc. Lạnh quá, không dậy được; nửa tỉnh, nửa mê, nghe ó-o trong rừng, tưởng đâu ở nhà, không dè ngủ ở lưng-chùng núi, giữa rừng, tiếng gà eo-óc gáy tau là tiếng gà rừng, chen lẫn với muôn ngàn tiếng chim khác. Lóng nghe những tiếng điều-thú tung bưng ca hát, vang-dầy trên cảnh rậm, lạnh lốt dưới ngàn thông, như măng, như vui, như hớn-hở, hỉ-lạc dễ chào ánh thái-dương lối rạng. Hân-hoan chỗi dậy; phơi-phới trong lòng. Ai nấy đều dậy, rửa mặt mây, thay xiêm, đổi áo; vào điện, quì trước bàn thờ, tâm niệm ít phút đồng-hồ. Tâm niệm xong, ra ngoài thì vàng kim-ô gần mọc, rực-rỡ một hương trời đông. Tuyết sương mù-mịt buổi sáng mới tan lần.

Cảnh hừng-dông trên non đẹp-đẽ lắm; tiếc vì chùa ở nhảm chỗ sùng, chung-quanh cây rừng bao phủ, nên không mục-kích được cảnh hừng-dông trên này. Về sau lên chơi núi Điện-Bà ở Tây-Ninh, ngủ ở tịnh-xá ông đạo Nhứt-Thiện hai hôm; được ngắm cảnh hừng-dông trên ấy hai lần, mỗi lần bức tranh vân-vũ hiện ra cái vẻ đặc-sắc khác nhau, tuyết-sắc, tuyết-vời, không ngòi văn, bút mực tài tình nào mà vẽ cho hết được.

Sáng ra, từ-giã Nguyệt-Minh-Đài đề đi viếng cảnh khác; bà thân-mẫu chủ chùa ân-cần cầm lại ăn khoai, chuối, diêm tâm; chúng-minh ra đi, hiến cho bà chút ít tiền gọi là lễ hương khói.

Do đường lên mà xuống. Hôm qua cây cối bị nắng trọi ngày nên ra chiu ủ-dột; nhờ sương tuyết đêm hôm nên đã tươi-tỉnh, đượm-nhuần. Giọt sương buổi sáng đeo nặng đầu cành, phản chiếu ánh mặt nhật bình-minh như hột ngọc sáng-ngời, thỉnh-thoảng rơi lộp-độp. Đi không mấy hồi đã tới sơn-khê trong-trẻo hôm qua. Ở đây là ngã ba. Theo một con đường mòn bên hữu đi lên, để viếng cảnh ông Bảy-Do. Khoẻ đi, mệt nghỉ, ghéu-ngao đến mười giờ trưa mới gặp một cảnh nhơn tạo giữa chốn thâm sơn.

Tơ-tơ giữa rừng, một pho tượng Phật lớn ngồi diêm-nhiên trên một cái bệ gạch cao, chừng ngoài một thước. Trước mặt, bình hương khói lên nghi-ngút. Bốn bề cam, quit, mạn, dứa, toàn là cây ăn trái. Ai trồng hồi nào mà nay gần già cỗi? Toàn cảnh có cái phong-vị hùng-tráng, trang-nghiêm, khéo gợi hồn tôn-giáo, kêu tâm-não người, khiến cho bồi-hồi tắc dạ, nghĩ nhớ đầu đầu.

Nghe nói mấy chục năm về trước, một nhà đạo-sĩ, thường gọi là ông bảy Do, lên tạo cảnh, lập chùa, ở tu-trì đây. Nghe truyền ngài bị nghi-ngờ là nhan-đạo-sĩ, muốn mưu cuộc chi đó, nên bị quan trên bắt và dạy dỡ cảnh chùa. Không rõ trường-tận sự-tích ngài về sau ra làm sao. Đề chơn đến đây, thấy dấu xưa, cảnh cũ, biết có người trước kia đã đến ruồng rừng, phá núi, gầy dựng một cảnh giữa rừng sâu u-tịch; mà nay cây-cối còn đơm hoa, kết quả; di-tích sờ-sờ, người xưa vắng bóng! Ai đi đến chỗ đường eo, quảng vắng,

tình cờ gặp cảnh đìu-hiu, quanh-quẻ này, sao cho khỏi
ngâm-ngùi, khắc-khoải :

Một bầu nhơn-cảnh quanh-biu,
Giữa vùng non thẳm, hoang-vu, tịch-mù,
Rêu phong, cỏ mọc, thanh-u,
Trơ-trơ tượng Phật dải-dầu tuyết sương.
Vắng-tanh kinh kệ khói hương.
Tang thương cho đến Phật đường xót thay !
Bụi xưa, chùa cũ còn đây,
Khiến người viếng cảnh khôn khuấy tấc lòng.
Viễn-hoài, khắc-khoải, não-nùng,
Ngưỡng trông phở-tế giống-dòng nam bang.
Anh-linh chư-vị Thất-San,
Chuyến xây thế cuộc, độ toàn chúng-sinh.

Đốt nén hương ai đề bao giờ, làm-dâm khăn vải, xin Phật
tò từ-bi phò-hộ cho dân an, quốc-thời, nhơn-loại cộng hưởng
thái-bình.

Ngắm xem cảnh vật giờ lâu, ngó mông đàng xa, thấy lơ-
thơ vài mái chòi tranh; chuối, mít xanh-um. Đồng đi lại đó;
bước vào, vắng-tanh, lạnh-lẻo; chòi bỏ hoang, không bóng
người lai-vãng; đi lại chòi khác; chung-quanh khoai đậu
tươi-xanh; vào chòi, một con bé chín, mười tuổi trơ mắt
ngó.

- Ba mà em đi đâu ?
- Tôi ở đây với ông bà tôi.
- Ông bà em đâu ?
- Ông tôi đi xa, bà tôi đi đàng kia.

Ngồi tam trên một cái chõng, nghỉ chơn; giờ lâu, không thấy ai cả. Cảnh nhà thiết là sơ-sài; vách lá, không cửa, trống trước trống sau. Cái bàn thờ lêu-lổng giữa chòi bụi đóng, nhện giăng. Lâm bô sẵn đã quá! Cuộc sanh-hoạt ở chốn cao sơn thật quá ư giản-tiện; tuy eo-hẹp trong vòng y-thực thiên-cận, nhưng thơ-thời, thung dung lắm. Nếu biết thưởng thức thì cảnh lâm bô như vậy cũng thú-vị bằng mấy thị-thành xa mã.

Người nghèo mà sanh-hoạt ở chốn sẵn đã, cao sơn thì được giản-phát, sung-sướng; ít vất-vả hơn kẻ nghèo khó, người xa-phu ở đô-thành lớn. Ít tư-lự, ít khổ tâm, tiêu tứ; nhiều thanh khí; nên kẻ trên cao sơn thường được khoẻ mạnh, sống lâu. Ruồng một vùng rừng, trồng một đám chuối, cuốc ít giồng khoai, tía vài hàng đậu; quanh năm ăn lấy khoai, chuối, lê-hoác ấy, vậy mà người trên này được mạnh-mẽ, thanh-thời hơn lối sanh-hoạt chen-chút, xô-xát, kỹ-khu, mệt-nhọc ở thị-thành.

Sống thế nào cũng sống; ăn-dật chốn lâm-tuyền cũng non xanh nước biếc cũng sống; mà cạnh-tranh ở chốn phồn-hoa nào nhiệt, giành nhau từ hơi thở, từ miếng ăn thì cũng sống; mà có lâu cho mấy đi nữa thì cũng năm bảy mươi năm là nhiều; vậy thì hà-thất phải lăn-lộn cho trần-cấu lấm-lem. Cái quan-niệm người đời về kiếp sống cũng nhớ-nhãng quá! Dưới bóng mặt trời còn rộng chỗ lắm, nhưng thiên-hạ coi là hẹp, nên tranh giành nhau từ mảnh đất, tấc vườn; nước nọ nước kia, thù hềm với nhau; cá-nhơn tranh đấu, chủng-loại tranh đấu, chiến-miên không sao dứt được.

Mãng mè thưởng-thức cảnh-vật lạ mắt mà quên đói bụng. Vào ngồi nhà đây mới nhớ lại sớm mai tới giờ chưa ăn gì.

Cây con bé đào khoai nấu, bán cho. Con bé chằm đào; anh em tôi xúm, lượm bỏ vào rổ, đem lại rửa dưới suối gần đó. Con bé lúm-cụp nấu. Chợt thấy đằng xa thấp-thoảng có nhà. Hỏi thăm, mới hay là chùa. Đều-hề đi lại; không dè đó chính là cảnh sơn-tự mình muốn viếng. Chằm-rải đi, lần-thần bước; đi ít bước lại ngừng, nhắm xem phong-cảnh. Địa-thế là trũng núi, rông ước chừng mấy mẫu vườn xanh ở giữa rừng rậm. Một bầu hoa thảo xinh-xao; lựu buồng hoa đỏ, đào này lá xanh, vàng cúc, tiền sen lưu-loát. Đều chân đến, phượng-phất như vào tiên-cảnh, bỗng-lai gì vậy. Gió hiu-hắt thổi như quạt nồng người vãn cảnh; chim liu-lo ca như chào khách viễn-phương. Cảnh này và cảnh ông bảy Do lúc này đều có cái vẻ đặc-biệt khác nhau: cảnh kia thì hùng-vĩ, như linh-thỉnh, tôn-nghiêm, tiêu-diêu, ảm-đạm; khiến người tưởng nhớ viễn-vông mà khiếp sợ cho trò vật đời, sao đời, tang thương biến cải. Còn cảnh này thì tươi-tĩnh; im-lặng mà không tiêu-tao; vui-vẻ khiến người mến yêu, luyện ái.

Mấy cái thảo-xá nhỏ gọn-gàn, sạch-sẽ, cất trên sàng cao, một nơi một cái. Vào thảo-xá gần; một bà vải độ, năm mươi ngoài tuổi, ra chào rất khiêm-cung, lễ-phép.

— Thưa đây phải là cảnh chùa của ông hòa-thượng Đức-Minh chăng?

— Quý thầy ở đâu mà hỏi thăm thầy tôi?

— Chúng tôi ở Vĩnh-Long, đi dạo cảnh; nghe hòa-thượng là bậc đại-đức, muốn được hân-hạnh viếng ngài.

— Mời quý thầy bước thẳng lại chùa kia.

Đồng lại chùa, cách xa vài mươi thước. Chùa là một ngôi nhà tranh, cao căng, vách ván; khoảng-khoát. Một

người tăng trẻ, đang bào cây, ngưng tay thi-lễ. Hỏi ra thì hòa-thượng ngồi ngoài gốc cây, mặc tửng, trầm tư; trong giây phút sẽ vào. Chúng mình ngồi nghỉ chơn; chuyện trò lân-la với người tăng trẻ; một lát vào xem cỗ thờ Phật. Một pho tượng Phật nhỏ để giữa bàn, vừa hương, đĩa quả, bình hoa, xem đơn-sơ mà có vẻ tôn-nghiêm.

Giây lát, một ông đạo mặc nâu-sông, nghiêm-chỉnh bước vào. Định là hòa-thượng; chào hỏi xong, ngồi lại đàm đạo. Người còn trai-trẻ, trạc ba mươi ngoài tuổi, vóc-vạc trung-trung, dung-mạo đoan-trang; đầu tròn, mặt dài, mũi cao, mắt đen, ngó thẳng; miệng ít nói; giọng nói huởn-đãi tề-tĩnh.

Hỏi ra thì bữa đây tu là dụng lối tồn tâm, dưỡng tánh; không phải trọng lối mỗ, chuông, lễ, bài; sắc, tửng, âm, thính. Hòa-thượng phát đại nguyện, ngồi dưới gốc cây bồ-đề, tham thiền, quán tửng chỉ đó. Còn tăng chúng cũng tùy theo sức mình mà tự chế, khắc kỷ; tập khổ-hạnh; cả thấy đều trường chay, giới sát.

Một lát hòa-thượng tỏ ý đi lên đánh, cúng chư-vị Thất-Sơn. Chúng tôi sờ-dỉ ghé chùa là trước yết kiến hòa-thượng, sau hỏi thăm ngõ lên đánh; tiện đây nối gót đi luôn. Hòa-thượng thuộc đường, đi trước hướng đạo; hai bà vãi già, bà thông phán và chúng tôi đi sau. Quanh-queo trong rừng, lúc lên lúc xuống, chỗ dốc, chỗ bằng, nhưng cũng dễ đi. Mấy bà yếu gối nên đi chậm; chúng tôi đi một đôi phải dừng chơn đợi, hoặc hú chừng, vì không có lối mòn, sợ lạc. Chúng tôi trai-trẻ, sức còn mạnh, gối còn cứng, nên đi không mệt-nhọc gì; còn mấy bà đã lớn tuổi, tàn khổ đã từng, nắng mưa đã trải, nhưt là bà phán không quen đi đường núi nên xem chừng đã

đuổi hơi. Áp-lực không-khi dồi, nên mệt thở dốc ; nhưng mấy bà đồ thừa là linh cảnh, mang cái phàm-thân, tục tánh của mình lên đây, tất phải mệt-nhọc ; không cầu-vái chư-vị, thánh thần hộ-trì thì ắt phải mệt-mỏi, không sao lên cao nổi ; vì vậy nên vừa đi vừa niệm Phật.

Đi không đầy giờ thì tới đỉnh Bồ-Hông. Người ta kêu như vậy, vì trước kia ở đỉnh này có nhiều bồ-hông lắm. Thất-Sơn có ngọn đỉnh này là cao hơn hết. Tuy là chót núi, nhưng không phải nhọn ; rộng độ nửa công ; có cam, quít, bưởi, chuối trồng từ bao giờ. Bụng tưởng chỗ cao sơn, chót-vót ngọn núi như vậy không có dấu chơn người ; dè đâu đã thành ra cảnh như tạo, có hoa, quả của tay người trồng. Hiện lúc nọ, lại có ông đạo lên che một cái tịnh xá, nhỏ bằng một căng nhà, để ở mà tịnh-luyện gì đây. Đối với con mắt người hồng-trần danh-lợi, có lẽ là eo-hẹp, khổ-hạnh lắm vậy. Nhưng người đã chán-nản cái-mùi tục lụy dăng cay thì hoa đàm kết nghĩa, đuốc huệ làm duyên, vậy cũng qua một đời, xong một kiếp. Tuy yếm-thế, song nghĩ cho cùng, không có ta quả địa cầu nó cũng vẫn xoay, mặt trời cũng vẫn mọc, lặn ; lựa là phải thêm cái tay ta vào trong đám cạnh-tranh, chiến-miên nhơn-sự.

Nói vậy ắt có người cho là quá yếm thế, vong ân cơm, áo của xã-hội đi chăng ! Vậy chớ gì không yếm thế ! Nhớ câu « Nhập thế cuộc bất khả vô công nghiệp ». Có lẽ cụ Quát hay cụ Trừ chi đây cũng nghĩ : phàm đã trót để chân vào cõi thế, chẳng khả chẳng có công nghiệp gì ; nhưt là sanh nhằm ở nước Nam ốm-yếu này, lại cần phải dũng-mãnh mà làm việc lắm mới được, nhưng nếu nhập thế thì phải dụng cuộc đời mình cho hoạt-bát, ích lợi cho quần sanh, chớ ăn tàn, ăn lẫn với nhau, thì thà là yếm thế đi còn hơn.

Đứng vào chỗ trống trên tuyết đánh, ngó cùng bốn phương trời : xanh-xanh kia là núi Tượng, hình như con tượng ; mịt-mịt kia là núi Cô-Tô ; mờ-mờ nọ là núi Dài, thâm-thẳm đằng xa là núi Nam-Vi, còn nhiều ngọn núi khác, chỉ thấy mờ-mịt, đậm hơn da trời một chút. Ngó xuống thế-tục ; đường lộ nhỏ như đường vàng trong bản dư-dồ, ruộng có bờ mầu tựa bàn cờ, tấm gạch ; nhà cửa nhỏ-bé không bằng cái miếu thờ-thần ; xe hơi chạy trên đường chỉ thấy lặn cát-bụi xông lên thôi.

Nghe trong mình khoái-lạc vô ngần ; muôn điều thế-sự phiền-ru bồng-dưng tiêu cả ; mơ-màng như mộng, tưởng đâu tấm thân phù-thế đã thoát ra ngoài vòng trần-tục, dường như vào cảnh thiên-thai, dường như tiêu-dao cửa Bụt...

Mấy bà dọn ra trên hòn đá cao một mâm đồ chay, lê-hoác, huê, quả ; đốt nén hương, khói lên nghi-ngút, mùi hương ngào-ngạt ; mỗi người bước lại, lâm-dâm cầu-nguyện. Đến lượt mình cũng ra đứng trên khối đá chon-von, một lòng thành-kính, khẩn-vái lâm-thâm, xin thần mình chứng-chiếu, đoái thương cho nước Việt-Nam nhà ta đặng trời bước kịp người trên con đường hạnh-phước và ban ơn từ, từ phước huê cho cả và thiện nam, tín nữ, áo ấm, cơm no ; vui say đạo-vị.

Khấu đầu đánh lễ U-minh,

Trần lao khổ-lụy, thiêng-linh độ giùm.

Một lát nhang hầu tàn, rót ba chén trà khô, gọi là xong cái lễ mọn. Dời mâm cơm lại dưới bóng cây, lấy lá làm chén, lấy cọng sậy làm đĩa ; chủ, khách chòm-nhum nhau ăn. Lê-hoác thanh-đạm mà ngon, ngon nhứt là mối cảm-tình với nhau và cái hàn-hoan trong lòng, dường như tự-phụ, tưởng đâu đã thoát phàm, bồng cái thú nhân-bạ, thơ,

rượu, đàn, cờ của tiên-gia trong sách tàu vậy. Thôi, dầu thoát, dầu không, cũng nên tạm quên cái phạm-thân, tục tánh của mình; được hồi nào hay hồi nấy, cứ hưởng lấy cái lạc-thú tạm thời này; hơi đâu mà chác lấy sự đời!

Vừa ăn vừa đàm đạo, câu chuyện viên-vông. Người ngất-nguỡng cõi trần, kẻ mê-mang cửa bụi, mới quen nhau trong giây-phút, thế mà cũng đồng tình tương ứng...

— Bạch ngài, ăn chay được, tụng kinh được, nhưng lục đục, thất tinh, cái lòng danh lợi, dùng phương-pháp nào trừ-diệt cho được?

— Ấy là cái bi-yếu của đạo; biết cái phương-pháp trừ-diệt, tức là biết đạo vậy, mà cái đạo là quý-báu, là nhiệm-mầu lắm, dễ gì hiểu đặng. Người không duyên phần, tiền-khiên, hậu-quả còn nhiều; không làm sao biết được và làm theo được.

— Người tu có thoát vòng luân-hồi, có lấy cái tử-biệt làm sợ chẳng?

— Trần-gian là cõi tạm, là tràng tu-luyện, học hỏi; nghĩa vụ cõi này xong, đời đi cõi khác, vị-tất phải sợ gì. Linh hồn là chủ, là anh lái; phạm-thê là chiếc đò; qua sông rồi bỏ nó, nó hư-mục bỏ nó, có gì mà kinh-khủng. Người tu biết đạo, nghĩa là biết cửa sanh, cửa tử, thì cái sanh-tử là do tay mình vậy. Càng luân-hồi, càng tấn-hóa; thoát liền sao được.

Chúng mình lẳng-lặng nghe, hòa thượng chậm rãi nói. Xong chuyện, trí bắt nghĩ-ngợi; cái sống cái chết là mầu-nhiệm, lấy trí ít học thức, mờ tối như chúng mình mà bàn, nghĩ tức cười quá! viên-vông quá! vô ích quá! Từ xưa đến

nay, biết bao nhiêu nhà triết học cao thâm bàn luận về lẽ tử-sanh, rồi tự mình cũng chết. Từ xưa đến nay, biết bao nhiêu nhà y-học đại-tài tự tay cứu chữa đã nhiều căn bệnh rồi tự mình cũng chết. Từ thiện, hiền lương, hung ác, bạo ngược; vua vua, dân dân, năm bảy mươi năm vùng-vẫy, vẫy-vùng; rớt cuộc rồi cũng đến cái chết là cùng. Vậy lúc nào ta cũng nên yên tâm, tỉnh-trí; an phận, tùy duyên; làm phải, làm lành; thương yêu đồng loại; đến lúc chung qui, ra về, không ngại-ngùng, sợ-sệt gì cả.

Bàn luận giờ lâu, bóng tà-huy vừa chình xế, cùng nhau đồng xuống đánh. Bụng còn ước-ao, lúc rảnh việc nhà lên ở đánh đây chơi ít lâu, dầm-ấm cùng cảnh vật cho phải tình. Hồi lên đánh, không dè trên này có thạch-bàn tốt, ngồi trên ấy để thâu-quát cảnh vật non-sông lúc ban ngày và thưởng-thức thú gió thanh, trăng tỏ lúc ban đêm, nên dầu muốn ở lại chơi cũng bất tiện, vì không có đem đồ bện lạnh theo. Đi xuống, bụng vẫn tiếc.

Lên thì lâu, chớ xuống thì không mấy hồi. Đi một lát đã tới chùa; hòa thượng kiêu từ đi thẳng ra gốc cây, hay thảo-xá gì đó. Chúng mình từ-tạ mấy bà, cầu mấy bà đặng mạnh-khoẻ, an-vui hoài hoài để tu-hành cho đến ngày đất quả, thành công, qui-hồi cõi Phật. Mấy bà ân-cần tỏ-ý muốn lưu anh em mình lại chơi; nói rằng: ở trên này không mấy khi có bà con ở thế đến thăm, nên hễ có khách ở thế mà vui bước đến đây thì dầu lạ, dầu quen cũng mừng-rỡ như tình trong quyển thuộc vậy.

Chúng mình ra đi, lòng vẫn mến hòa-thượng là bậc cao tăng và mến mấy bà vì gần kẻ tu-hành từ-thiện, tựa-hồ như vào vườn cỏ chi, cỏ lan.

Nhớ xem sách thấy nói mỗi người đều có cái "nhơn-điện" hay là nói theo tiếng thường là "duyên" nay giao-

tiếp với kẻ chơn-chất, tu-hành, nho-nhã, ôn-hòa, thấy mình thông-thả, nhẹ-nhàng trong dạ; đoán cho kẻ tu-niệm đã diệt-trừ nhiều tánh phàm, chung-quanh tựa-hồ như có cái không khi nhu-hòa, khiến cho kẻ nào giao-tiếp phải mát-mẽ trong tâm.

Thấy cách ăn ở khồ-hạnh; mặc thì chỉ vải-bô lấy ấm; ăn thì chỉ lê-hoác lấy no; tính nết ôn-lương; dè-dặt từ lời nói; động mối xót thương, động lòng trắc-ân; thật không bị với lối trang-sức của kẻ xa-xi ở thị-thành; là-lượt tổ, sớ, gấm, nhiều; lại thêm lòe-let phấn, son, xoàng ngọc, mà tánh-hạnh thì lắng-lơ, tráo trở; nghĩ cũng buồn cười.

Đi lại ghé nhà con bé cày nấu khoai, chuối ban trưa. Bà con bé ấy đã về. Bà lão này tuổi đã ngoài bảy mươi; đầu vẫn bạc, da vẫn nhăn, má vẫn cốp, nhưng còn khỏe. Hỏi thăm. Bà nói: lên ở trên núi này hồi bốn mươi ngoài tuổi. Vài mươi năm nay bà đã yếu, không còn đi xuống thế nồi nữa.

Mấy chục năm trường chỉ quanh-quần chốn lâm-tuyền này; ngày hai bữa xong, lo trồng khoai, lúa đậu vậy thôi. Cảnh sanh-hoạt nghĩ ra thật là hẹp-hòi, giản-tiện, nhưng gần tạo-vật, xa nhơn-gian, nên xem chừng tánh-tình rất chơn-thật.

Bọc khoai vào khăn; còn bao nhiêu xu lẻ trong túmóc cho con bé kia. Bà cháu lấy làm vui lòng mà hiển cho mớ khoai-củ gọi là cái thảo của người sơn-giả đãi khách phương xa. Minh đẹp lòng vì đền công con bé rộng, mà con bé thích ý vì đãi khách lữ-hành cũng hậu. Từ-giã ra đi. Đạo du ở chốn lâm-tuyền; chúng mình cũng ra về người lâm-tuyền quá. Vừa đi vừa đoán nhìn cảnh vật; không mấy hồi đã xuống tới khe nước. Ngồi lại nghỉ chơn. Sẵn có đem chầu, hai anh em đồng tắm; tẩy lớp trần-ai đã đóng bám mấy ngày rày.

Nước chảy trên đá xanh, cát trắng nên trong ngần, thấy muốn uống. Người không biết, trèo non mệt, gặp nước trong, cứ uống ngay, thấy mát và khoẻ cho là mầu-nhiệm. Nếu may gặp nước suối tốt uống lành bình, càng thêm tin là có thần tiên ủng-hộ ; bằng chẳng may, uống nhầm nước chẳng lành, vì có lá cây mục lộn vào, thì đổ cho là chur-vi non núi phá.

Ah em đi chơi núi, hôm qua đến nay, có ý bực-bội ; bây giờ đang lúc nực, tắm nước suối, khoẻ-khoảng lắm. Mấy ngày vui thú núi non, rừng bụi ; ăn bậy, ngủ bạ ; không lấy thể làm vất-vả cực khổ ; mà hạnh phúc, sanh-thú trong đời không mấy thuở được vậy.

Thú lâm-tuyền thông-dong nhàn-nhã.

Chốn phồn-hoa vất-vả mảnh hình-bài.

Cảnh yên-hà dật-lạc hôm mai ;

Mùi lê-hoác đỡ lòng, say hạnh-phúc ;

Tắm nước mát, rửa thanh lòng tục ;

Ngắm non xanh, ngùi-ngất khúc trần duyên,

Lây-lắt vui cảnh trí thiên-nhiên.

Thử nếm chút mùi thiền mê-mẩn khách,

Gió biu thổi, hồng-trần tan sạch-bách.

Mấy tầng mây, hồn-phách nhớn-nhờ bay.

Thanh-nhàn, tự-tại là hay !

Vừa tắm xong, kẻ gặp mấy cậu tiểu-lăng và đạo-huynh ở Nguyệt-Minh-Đài. Mỗi cậu tiểu-lăng đều mang một bao gạo ; mệt thở hào-hển.

Ở trên non đem được hột gạo lên ăn cũng nhọc-nhân quá!

Tắm mát, lại ngồi trên bàn thạch, ngồm-ngoảm nhai mở khoai, chuối của lão bà cho lúc xế. Ngon làm sao ! Tưởng đời không được mấy lúc tắm nước suối trên non ; ăn khoai,

chuối trên núi; thế mà không gọi là lý-thú sao ! Ăn xong, ngheu-ngao xuống núi. Đi được một đôi gặp người mù đã đọc cho nghe kinh sám-hối đêm hôm, một đũa tiêu-tăng đi trước dắc chừng đường, anh đạo mù lần theo sau; vai quảy một bao gạo, chơn căng bị trầy-trụa, rướm máu. Người sáng đi đường núi như vậy còn khó thay, huống chi anh này, hai mắt đã lờ mà lại thêm vác nặng nữa.

Không hiểu làm sao mắt đã mờ mà vẫn đi đường núi gay-go được; có lẽ người vô phước khiếm thị-giác-quan thì mấy giác-quan kia mở-rộng và sáng hơn của người thường.

Bấy thấy xót thương, còn mấy đồng xu lẻ, lấy cho anh mù. Minh cũng không cầm được mối thương tâm, nên bụng vẫn trách thầm mấy đạo-huynh trên non, sao nỡ để cho anh mù dò đường, mò lối mà làm công việc khó-khăn, hiểm-trở như vậy.

Mặt trời gần chen lặn thì xuống tới chơn núi. Đi du-sơn hôm qua đến nay, trong mình nhẹ-nhàng, lòng trần-tục dường người-người sạch, nay vừa “hạ san xuống trần” thì nỗi phiền-ưu nhơn-sự lại tựa-hồ như đợi mình ở chơn núi để đeo theo mà về vậy. Cho hay cái phiền-ưu nhơn-sự nó cũng thương-yêu mình lắm nhỉ !

Không có chí cao; không được bạnh-ngộ trèo Hi-Mã-Lạp-Sơn, ngao-du trên Bắc-Cực, đi vòng-quanh thế giới như người. Chí mình là chí se-sẽ, chích-choè; không phải là chí Hồng-Học. Không làm được ngheu, kinh ngoài biển rộng; thôi cam phạn tép, tôm mà yêu mển rạch sông của mình cho đỡ dạ!

Vào thánh-thất là chỗ gởi hành-lý, nghỉ đó một đêm. Chuyện-văn cùng một người thủ-tự, mới hay rằng trên núi hồ-nghi cho anh em mình là mật-thám. Người tu-hành, vì

có mặt-thăm thiết đi nữa, tưởng nên đem chơn-tỉnh mà tỏ-thiết, bề trên khỏi nghi-ngờ, thất công cho người dò xét ; mà việc tu-hành của mình cũng dễ.

Sao có chuyện hồ-nghi như vậy ? Tư cách chúng mình có điều gì khả nghi chăng ? Không. Chúng mình sở dĩ đến đó là bụng mến cảnh vật thiên-nhiên, du-ngoạn sơ qua cho biết một vài nơi thắng tích, danh-sơn của nước Nam mình vậy thôi.

Nhớ lại hồi còn ngồi trên bàn học-đường, học địa dư nước Pháp, thấy có nhiều cảnh đẹp, ngỡ cho xứ mình không có chỗ bì kịp ; nay ngắm cảnh, mới biết rằng kề bên xó nhà mình cũng có cảnh xinh-lich, hèm vì thiếu sách-vở chỉ cho ta những cảnh ấy. Ước mong mấy nhà học-thức chuyên môn soạn ra địa-dư nước nhà cho đến chỗ tế-mục, họa lấy cảnh vật để vào sách cho trẻ em xem, hoặc cho kẻ nào không thể dao-du xa, ngồi nhà xem sách cũng thưởng-thức qua được những cảnh mỹ-lệ của khoảnh đất ta sanh-tụ đây.

Còn về phần nhà văn-sĩ, tưởng cũng nên viết sách du ký, tả cảnh xinh-đẹp, sơn, xuyên, phong, thủy trong nước ; có vậy thì cái cảm-mĩ-tình, cái lòng thương mến non sông, đất nước, mới cùng thiết-tha, mặn-nồng thêm lên. Có biết rằng ở đất nước nhà cũng có nhiều nơi thắng cảnh, cồ-sái, danh-lam, có đặt chơn đến và thưởng-ngoạn phong cảnh thiên-nhiên mỹ-lệ ấy, linh-hồn ta mới đầm-ấm, điều-hòa với linh-hồn tổ-Quốc, rồi cố công, cùn sức vun-bồi cho chỗ chôn nhao, cất rún của tổ-tiên ta được càng ngày càng thanh-vượng, banh-thông.

Đêm ngủ ở thất, không có chi đáng nhớ. Nghe nói dân-cư ở đây không được thuận-hậu ; trộm cướp nhiều. Chánh

Ở thất Bửu-Sơn đây, tuy không có tiền của gì, nhưng đã bị chúng vô cớ cướp đồ mấy lần. Phong thổ ở đây không mấy tốt. Muối nhiều. Nước ít lại trắng; màu như sữa; có lẽ có vôi ở trong; người ta kêu là nước hến, vì bỏ con hến vào nước mà nấu thì nước trắng đục như nước ở gần chơn núi đó vậy.

Ở vùng này người dân khuynh-hướng về tôn giáo nhiều. Lắm mối tà-thuật, ta không hiểu thấu được. Người thủ-tự nói chánh mắt đã thấy một người, vì luyện pháp-thuật chi không biết, ngồi ngay trên mặt nước không chìm, tựa-hồ như con vịt, muốn trôi xuôi, trôi ngược tùy ý. Bởi có, người ta kêu là “đạo nổi”. Dân-gian nghe đồn, xúm theo coi đông và tôn-trọng. Người thủ-tự cả quyết rằng đã thấy tận mắt. Nghe qua, hoài nghi quá.

Sáng thức dậy sớm, đón xe trở lại chợ Nhà-Bàng, rồi xuống chợ Cây-Mít, đón tàu vô Hà-tiên. Trước kia đã nói rằng chợ Cây-Mít chẳng qua là xóm nhà vài mươi nóc ở bờ kinh Vĩnh-Tế. Tàu lại đây không có cầu đẩu; phải thuê chiếc đồ nhỏ ra tàu. Chúng mình vừa tới thì tàu cũng vừa tới. Vội vàng xuống chiếc thuyền con; tàu ngừng, thuyền cập vào. Bọn tàu lẳng-xăng chạy lại hỏi đi đâu. Nói cho quá giang đi Hà-tiên. Chưa đề chơn qua tàu, bọn tàu đã ra giá trước. Họ đã biết rằng khách đã đến đây, dầu giá mấy cũng phải đi, lẽ nào trở lại.

Tàu chạy từ-từ trong kinh Vĩnh-tế. Kinh này đi từ Châu-đốc qua Hà-tiên, do đức Gia-Long và đức Minh-Mạng hiệp với vua Cao-Mên sai người đào. Nhớ xem sử thấy nói khai kinh này rất công-phu, dân-sự đào lấy làm vất-vả. Ngày nay có con đường giao-thông tiện lợi như vậy; nhờ ơn người xưa khai-sáng. Kinh hẹp, độ vài mươi thước bề ngang.

Hai đầu có hai cái đập-búng-nước (écluse) giữ cho có đủ nước, để ghe thuyền qua lại khỏi cạn. Hôm đi, ít gặp ghe-cò gì; có lẽ nhằm mồng bảy tết nên nhà thương-hồ còn nghỉ. Thường thường ở bờ-kinh, nhờ đất dưới kinh đào bỏ lên nên trồng-tría dễ, nhưng ở kinh này chẳng có cây-cối nhiều, chỉ những đồng-ruộng mênh-mông, nhà cửa thưa-thớt; tàu chạy mấy giờ đồng hồ mới thấy một chòm cây xơ-xác, vài cái nhà lá trơ-trọi giữa đồng không, mông quạnh. Sức sanh-hoạt không phải mạnh-mẽ như ở bờ sông Cửu-Long. Ngoài nghề nông ra, dân-cư cũng đập đập, bắt cá và chài-lưới chút ít.

Núi non liên-tiếp nhau luôn; hết cụm nọ tới hòn kia, chẳng lúc nào là chẳng thấy ở chơn trời những dạng núi xanh, như mấy bức tường cao, ngăn cái nhãn-giới mình vậy.

Trong địa-dư nói đất Nam-kỳ ta xưa kia là cái vịnh lớn, sau nhờ sức biển và nhờ sông Cửu-Long bồi lẫn-lẫn mà thành ra. Mấy ngọn non xanh mờ-mịt bày ra nhan-nhãn trước mắt ta, và ở vào giữa lục-địa bây-giờ, mấy ngàn muôn năm về trước chỉ là những hải-đảo ngoài bề khơi. Đều ấy mới vừa nghe qua có ý lạ; nhưng, hiện thời, một vài khi đảo đất, có kẻ gặp ở giữa đất liền nào là be ghe, nào là cột buồm, bánh-lái. Thấy vậy, biết rằng địa-dư nói không sai.

Bồi rồi lở, lở lại bồi; thương hải, tan diển là cơ tạo. Biết đâu trong một thời-gian ít ngàn năm nữa, mấy cù-lao ở vịnh Xiêm-La lại không dính-liền với cõi đất này mà làm cho thêm rộng nữa!

Tàu đi tới đầu kinh phải ngừng lại, đợi mở đập-búng-nước mới ra được. Từ lúc ra khỏi kinh, vào sông Giang-Thành, mắt lại trông thấy hai bên bờ cây-cối xanh-tươi, không khác nào hai bức tường màu lục, rọi hình xuống nước trong leo-lẻo. Bóng cây ngã xuống nước dường như mọc ngược lại;

trên bờ cũng thấy ngọn phất-phơ, tha-thướt, mà dưới dòng cũng thấy ngọn là-đà, quăn-quại; gốc giáp nhau ở mặt nước. Thật là ngoạn mục. Nước là mảnh gương; cây xanh là những vị mỹ-nhơn soi gương, trang điểm.

Nước bạc một làn trong leo-leo ;
Cây xanh muôn ngọn gheo lòng sông ;
Con tàu xinh-xít giữa dòng ;
Khuấy cho non nước bỗng không nhận mây.
Sóng cuồn-cuộn, thuyền chài nhồi nháy ;
Chiếc xuống con, tay lái hứng-hờ ;
Ầm-ầm lượn vập vào bờ.

Đất tốt, nhưng ít dân-cư sanh-tụ ; chỉ thấy nào bần, nào dứa, nào tràm, nào dước cùng muôn ngàn cây khác tự-do này nở rất mạnh-mẽ.

III.— Hà-Tiên Thạch-Động

Tàu chạy lối năm giờ chiều mới ra tới vàm sông, thấy rộng mênh-mông, bát-ngát. Thật là :

Nước biếc với trời xanh lẫn sắc,
Non cao cùng biển rộng ngàn trùng.

Trời về chiều thanh-bạch, mát-mẽ; bóng tà dương gần chen lặn. Đứng trong tàu, ngó-mông ngoài khơi, thấp-thoảng mây hòn xanh đậm, khi tỏ, khi mờ, lững-đứng giữa vời. Mông trên không, rực-rỡ vầng mây bạc, ửng-ửng da trời hồng; đỏ, vàng, tím, trắng; đậm lợt đủ màu, pha lộn với nhau, hiệp lại, thêu nên một bức tranh, thiên hình, vạn trạng, cực kỳ xinh-đẹp, chiếu lồng xuống mặt nước phẳng-lặng làm cho sắc nước xuê-xang. Toàn cảnh trời nước xinh-lịch ấy,

mỗi lúc mỗi đời sắc, đời hình, làm cho mắt người ngắm cảnh lúc nào cũng thấy khác luôn mà cảm khái vô cùng, rồi tự hỏi: ai vẽ, ai vờ, ai tô, ai điểm, khéo-léo làm sao! Cảnh lịch thiên-nhiên là của chung lưu-loát mà chỉ riêng cho kẻ hữu tình mới cảm-xúc, mới thích ưa; mặc sức mà ngắm, mà xem, tha-hồ mà ngắm, mà vịnh.

Mãng ngóng xem trời nước, mà Phương-thành đã hiện ngay trước mắt, nhưng không phân biệt đâu là đâu được cho đích-xác: Xa kia lơ-mờ một ngọn núi tròn, tùm-lùm cây cối, kể một khối đá to, sắc xám đen, đứng riêng ra một mình, lơ-chơ lỏng-chông, trên lớn, dưới nhỏ; ấy là núi Thạch-Động. Ở phương trời kia là núi Tô-Châu. Nhớ hôm nọ thấy cảnh-tượng núi Cẩm ở Châu-Đốc tưởng thế là đẹp rồi, không dè núi Tô-Châu lại đẹp để gấp mấy phần: nhỏ, thấp, lừng-đứng trên mặt nước trong-veo; cây-cối mọc phủ từ ngọn đến chơn như vóc gấm mượt-xanh, tươi-tắn; lại điểm lá chín nhiều màu; dưới chơn mấy khóm nhà sàn của người chài lưới, màu xám lẫn màu hồng, nóc lá chen nóc ngói. Toàn ngọn non ấy lại chiếu bóng xuống nước trong tợ mảnh gương sáng-sủa. Thật là một bức tranh tuyệt diệu.

Người văn cảnh có cái cảm-mỹ-tinh như xem dung-mạo mơn-mởn tươi-cười của một vị đào thơ thanh-tân, yêu-diệu, dương soi gương mà trang-diễm cho mỹ-miêu; chứ không phải có cái cảm-mỹ-tinh như xem diện-mạo đoan-trang, tuấn-tú, hùng-dũng của một cậu nam-nhân. Có vậy mới nhận ra được cái khí-sắc đặc-biệt của Tô-châu và Thất-Son được.

Thành-thị phố-xá Phương-Thành đặt kề trên mặt nước; một bên là mấy dãy núi Tô-châu, một phía là Bình-Sơn, Thạch-Động, Mũi-Nai; thành-thị ở giữa; xem rất xinh-đẹp. Nam-Kỳ ta, tưởng có Phương-Thành đây là thắng-cảnh hơn hết. Phương-Thành sở-dĩ đẹp, là nhờ núi-non biển-giả; sơn-thủy gồm đủ; cái đẹp ở cảnh thiên-nhiên, có cái vẻ thanh kỳ, hình như tươi cười đón khách; chớ không phải ở chỗ lầu cao, phố-rộng, tráng-lệ, nguy-nga. Phương-Thành lại từng có dấu-tích trong lịch-sử, nên dường như có cái sức thiêng-liêng gì nó xui người viếng cảnh sanh lòng mến-yêu, ái-mộ vô cùng.

Tàu ghé trước chợ, thì mặt trời đã lặn. Lòng khoáng-khoái dường như người đi cách xa quê-hương lâu ngày, nay mới về thăm; mầng mầng, vui vui. Lên xe lại nhà Bungalow, cách xa chừng bốn, năm trăm thước. Khách-sạn ở trên một cái đồng-đất cao; chung-quanh có đường lộ; xe hơi đi lên tới trên đước, nhưng phải đi vòng quanh khu ốc; đi bộ, lên xuống có mấy cấp thang đá. Nhà khách-sạn dòm xuống vịnh; sóng vỗ ồn-ào, gió thổi mát-mẽ. Nghe đâu trước kia là dưỡng-đường nên khiếm vẻ phong-quang theo kim-thời. Có lẽ, trước nữa là cái nền đồn-lũy gì hồi cựu trào, còn cái cửa thành cũ, đá gạch nứt-nở và hai khẩu súng đại bác, ten sét đóng đầy, chong miệng rộng, dường như chứng-minh cùng tuế-nguyệt rằng xưa kia đã từng phen sấm-sét mà giữ vững giang-sơn, bờ cõi này.

Anh em tắm-rửa xong, ra ngoài xem phong-cảnh. Cảm-hứng vô cùng. Tuy không hay thơ mà cũng có bài:

Xuè-xang phong-cảnh !

Đất Hà-Tiên xinh-lich biết ngần nào !

Kia non xanh, nước biếc, đủ màu ;

Cảnh Thạch-Động một bầu vi-diệu thú,
Nóc đá lòng-thông, buồng thạch-nhũ,
Núi Tô-Châu cây lá phủ xanh-ri,
Sắc long-lanh, lộng bề diệu-kỳ,
Vẻ thanh-thú, gợi lòng thi với tửu.
Đây núi Bình-San, nọ đèn Mạc-Cửu ;
Nầy hòn Đá Dựng, kia trống Lôi-Âm ;
Vịnh Xiêm-La, con sóng vô ý-âm ;
Dọc mé nước, ngư thôn nhà lác-đác ;
Thuyền ngư-phủ nghêu-ngao cạy bát ;
Mặt Đông-Hồ lộng-lẫy bóng Hằng-Nga.
Đẹp thiên-nhiên, như tạo khéo điều-hòa,
Chung hiệp lại một tòa càng sắc-xảo.
Bồng-Lai cảnh, mỹ-miêu tay thợ tạo ;
Khiến lòng này đảo-đề mẩn yêu.
Cho hay cảnh đẹp đủ điều !

Anh em nghỉ-ngơi một hồi, tối lại dạo chợ chơi. Nhà chợ nhóm ở giữa, hai bên hai dãy phố bán đồ tạp-hóa đối diện, dòm ra nhà chợ. Không có gì đáng quan tâm ; bán là người, mua là ta, chỉ có cửa hàng người mình bán đôi-môi, xảo-vật là đáng để ý hơn hết. Những xảo-vật làm bằng đôi-môi nào là cán dù, cán gậy, quạt, lược, gông kiến, ống diều, hộp nhỏ... xem rất tỉ-mỉ, khéo-léo. Những xảo-vật bằng đôi-môi, huyền, san-hô là món mỹ-nghệ ở đất Phương-Thành. Ở đây có ít người mình chuyên về nghề này mà làm nên sự-nghiệp ; nghĩ cũng mẩn thắm.

Kể về nghệ-nghiệp thì người mình ở Hà-Tiên còn nghề chài-lưới và buôn-bán khô, nước mắm, rau câu, trồng tiêu, dưa. Các món ấy làm kể sanh nhai cho người mình qua ngày tháng cũng được.

Đường giao-thông ở đây, bây giờ cũng tiện. Sớm mai lên xe hơi, không đầy một ngày đã về tới Saigon (368 cây số). Từ Hà-Tiên tới Châu-Đốc (127 cây số) hằng ngày đều có xe đi, xe về, đưa hành-khách. Hằng ngày cũng có xe đò đi Nam-Vang, do hai ngã; một ngã đi ngang Cần-Giọt, một ngã đi ngang Tà-Ni. Ngã đi ngang qua Cần-Giọt thì xa, vì từ Hà-Tiên lên Cần-Giọt hết 58 cây số, từ đó lên Kinh-dô Cao-Mên còn 150 ngàn thước nữa, thế là 208 ngàn thước. Ngã Tà-Ni thì gần hơn, chỉ có 160 ngàn thước thôi. Khách du-ngoạn còn có con đường đi Bạch-Mã (Kép) 44 ngàn thước, cũng là một nơi thắng cảnh, là chỗ nghỉ mát của qui quan trên Nam-Vang, hoặc tới Cần-Giọt rồi đi luôn lên Tà-Lơn (Bockor) cũng chỉ độ 40 ngàn thước. Đó là kể về đường bộ. Còn về đường thủy, thì có tàu đi Châu-Đốc, đi Rạch-Giá (80 cây số) do một cái kinh mới khánh-thành vài năm nay. Còn con đường thủy ra cù-lao Phú-Quốc nữa; mỗi tuần có ghe máy đi ra đó, hay quá-giang tàu đi Xiêm, hoặc nhiều ghe lớn chở sản-vật trong nội-địa, đem bán ngoài hải-đảo, rồi chở đồ ngoài ấy đem về. Có lẽ nhờ các con đường giao-thông ấy mà Hà-Tiên sẽ trở nên một thị-trường thanh-vượng.

Người du-lịch đến Hà-Tiên mà muốn thưởng-ngoạn sơ-qua cảnh-đẹp thì nên viếng núi Thạch-Động, Đá-dựng, Kỳ-Sơn-Động, hay viếng Mũi-Nai cách chợ độ năm cây số; đường có chỗ dốc, chỗ bằng, nhưng rất thú-vị. Ở Mũi-Nai có bãi cát, nhà tắm biển. Cát ở bãi này đen không được tốt; nước biển cũng trong. Do đường bộ chừng 300 thước lên trên núi, chỗ đèn rọi, thâu-quát được nhiều cảnh; thấy Bạch-Mã xanh-xanh, Tà-Lơn mờ-mịt, Hòn-Chông lơ-mờ.

Đi chơi ngoài Mũi-Nai, tiện đường cũng nên ghé lại xem một cảnh chùa Cao-Mên ở trên một cái đồi cao. Chùa lớn, cột đúc, lợp ngói vàng; cất chưa rồi. Cảnh-trí khá đẹp. Vài ngọn tháp cao, vài ngôi nhà nhỏ cao-cảng, sạch-sẽ; của mấy vị sãi ở tu. Êm lặng quá! Đến đây chỉ lấy mắt xem; khách Nam, sãi Thổ, không ai biết tiếng ai cả; ngó nhau, cười...

Thuê chiếc xe ngựa nhỏ, ba anh em đi viếng Thạch-Động. Xe chạy tới chơn núi; đi bộ vài mươi thước, lên tới cửa hang. Ở dưới chơn một khối đá lớn, một cái hang dài ấu sâu vô khối đá. Miệng hang là cửa chùa Tiên Sơn; vào trong, một ngôi chùa ngói nhỏ; hai bên vách đá, hai cái bàn-thạch dài, khách ngồi lên đấy mà nói chuyện; kể đó là bàn thờ Phật u-minh. Vào trong xa, hang chia ra làm hai ngõ. Động nhỏ, nên ở gần ngoài miệng vẫn sáng; chung vào trong, tối mờ-mờ, lạnh ngắt. Trên đầu, có chỗ tròn như cây lọng úp, hoặc vú-đá tòn-ten nhều xuống, xem cũng ly-ký. Ở một cái kẹt, thấy một khối đá nhỏ, người ta đặt là « Phật-nổi »; có người ta đặt là Phật, mình mới tưởng-tượng ra hình; quả có đầu và hai tay để xuôi theo thân mình.

Nhớ thấy trong địa-chất-học nói rằng nhiều hòn đá nhều sanh ra ở giữa hang đá lớn, là do nước mạch mà thành: nước dưới sâu nóng, tan thạch chất, khô-chất; lên trên lạnh lãn; thạch-chất, khô-chất ấy bèn đóng khối lại. Đó là một nguyên-nhơn; còn nhiều nguyên-do khác nữa; tỉ như trong hai mạch nước có chất khác, nếu chảy đụng nhau thì những chất trong nước hòa lại, hóa nên một chất cứng, không tan, đọng lại lâu thành khối lớn. Khi người ta gặp khối đá ấy, thấy khác chất với đá chung-quanh, lấy làm lạ.

« Phật-nội » ở đây, có lẽ sanh ra cũng vì các cơ ấy. Người gặp trước, dụng tâm đặt là Phật, kẻ mọc-mạc về sau tin như lời; rồi tin nữ, thiện nam ùn-ùn rủ nhau đến hành hương, sùng bái.

Chủ động đá đây là một ông tăng già đen-đúa; tu-hành theo phần đông người nhà thiền ở nước ta bây giờ. Đầu tròn, áo vuông, câu kinh, tiếng kệ, tay mõ, tay chuông. Nhớ gặp ngài đi hầu tòa đại-hình Vĩnh-Long một lần. Tiếc gì không hỏi qua việc tôn-giáo, thành ra ngài thuật lại việc chùa bị ăn cướp. Minh mắng lãn-lộn trần-tục, lao lực, lao tâm; lúc nào rồi-rảnh, đi ngông như vậy là ý muốn để cho trí-não thơ thới; tạm quên trong một vài ngày cái phiền-ru, hệ-lụy ở đời; đến đây là chỗ tu-hành lại dở ra câu chuyện phàm-tục, thành ra đi viếng chùa mà không có cái cảm-tưởng gì hay. Duy có điều này, là từ nhỏ đến nay, mắt chưa hề mục-kích một cái động-đá như vậy bao giờ, nên vừa xem qua cũng lấy làm lạ lắm; một lạ vì cảnh, hai lạ vì cuộc ở-ăn trong hang. Tắc dạ bồi-hồi, mới hay giữa thế-kỷ hai mươi tranh-cạnh này, mà còn có kẻ dường như vẫn-hồi được cái thời-kỳ ở hang ở động lúc cồ-sơ, tự đứng ra ngoài vòng loạn-động, lãn chen, để di-duỡng lấy tinh-thần, an thân dật-lạc.

Ở động, tiếp khách nữ có một sư-cô, độ bốn mươi ngoài tuổi; người vui-tánh, nói năng rành-rẽ, bất-thiếp; lẹch-lắm việc đời lắm. Năm xưa cũng có đi hầu tòa; nhưn đó, được biết rằng sư-cô am-hiểu chút ít tiếng Pháp. Nghe đâu sư-cô sanh trưởng ở một nhà thương-nghiệp có tiền của; lúc tuổi xuân vì duyên-nợ lỡ-làng, trác-trở sao đó, mà phải trải qua một khoảng đời truân-chuyên, luân-lạc,

thành ra chán-nản cuộc phiến-hoa, nên vào qui-y cửa Phật cho khuây-khỏa lúc huê tàn, bóng xế.

Đường thế-đồ nhơn-sanh lữ-khách,
Bề trần-gian chiếc bách dòng khơi.
Nhơn tình ai dễ khác ai !
Tuổi xuân hăng-hái, mê-say mùi đời.
Cbi thỏa-thích, chơi-vơi cõi tục ;
Mặt tha-hồ, lóng đục dò trong.
Hồng-trần lấm nổi long-dong.
Huê tàn tỉnh giấc, nhập vòng thiên-môn.
Lăn chuỗi hạt, Thế-Tôn kinh kệ,
Cầu Từ-Bi phổ-tế tâm mê ;
Nâu-sống nương cảnh Bồ-Đề.
Giải lãn tục chương, độ về Phật-phương,
Đố ai vượt khỏi đường nhơn-dục ?
Cái kiếp phù-sanh ! khúc kịch trường !
Trò đời trót đã đồng tuồng.
Diễn xong lui gót, buồn thương ích gì ?

Ngày giờ hẹp, nên không dạo qua được hết mấy nơi thắng-cảnh ở Phương-Thành. Ba anh em ăn cơm trưa rồi, kiếu từ nhà khách-sạn, đón xe đi Hòn-Chông để viếng Chùa-Hang là một nơi danh thắng ít có. Tại bến chợ, có chiếc đò đưa xe hơi qua Tô-Châu. Không phải dò máy, mà cũng không phải dò chèo ; thả dây ngậm dưới nước, móc dây ấy mà phăng cho đò qua lại. Đường đi chỉ có ba mươi ngoài cây số, nhưng xe chạy mất ngót một giờ ngoài. Lạ mắt, xem cũng lý-thú ; dọc theo mé vịnh luôn ; mắt vẫn trông thấy la-liệt những non cùng núi, thảo-mộc sum-xuê. Có lúc xe chạy gần bãi cát dài mùt mắt, sóng vô âm-âm. Có lúc đi ngang

qua xóm nhà đông-đảo; dân-cư phần nhiều là người Hải-Nam, ở chung lộn với người mình, trồng tiêu, trồng mía, hoặc củ cải, dưa bầu; hay là đốt than, đánh cá. Có hồi đi kê chơn núi; dân-sự trồng cây ăn trái, nào dứa, nào xoài, nào chuối, nào mít; huê-quả tốt tươi.

Ở một cảnh nhà bên sườn non, dòm ra biển; chung-quanh trồng huê-quả; tối ngày lo vun-bón, săn-sóc cây-cối; cuộc sanh-hoạt như vậy, tuy không đầy-dặng, hoat-bát, nhưng cũng êm-dềm, lý-thú lắm vậy.

Tiêu cũng là một món sản-vật lớn ở Hà-Tiên. Có một người Pháp ở Hòn-Chông chuyên việc buôn bán tiêu mà lập nên sự-nghiệp lớn. Các nhà vựa, mua tiêu chứa, rồi bán lại khắp nơi.

Cái chí doanh-nghiệp, cái nghề thương-mãi to của người quý-quốc, ta nên soi đó làm gương.

Dưa-hấu ở Hà-Tiên đã từng có tiếng; đã ngon-ngọt mà để bao lâu cũng không thúi-tha gì, thế là tiện cho nhà trồng dưa đem bán xa đường vậy. Cho hay đất nước nhà cũng có lắm huê-quả ngon lành, không kém gì ai, hèm vì ta không biết trồng cho nhiều để bán ra ngoại quốc, thủ lợi đó thôi. Củ-cải ở Hà-Tiên cũng lớn, tốt lắm dai đến bốn, năm tấc. Lúc về, có mua một mớ, cho bà con, xóm-diềng, ai cũng lấy làm lạ.

Xe chạy ngang qua nhiều xóm nhà người khách, lạ mắt không biết sao ở Hà-Tiên lại có nhiều người Tàu ở khắp thôn-giã như vậy. Suy nghĩ mới nhớ rằng đất này khai-khẩn ra là do tay ông Mạc-Cửu là người Tàu; nay còn đền thờ ở gần Châu-thành, sau dựng cho Nguyễn-triều. Vì vậy nên

hiện nay những người Tàu sanh tụ ở đây, chính là con cháu của những người đã cùng tới đây sanh cơ lập-nghiệp với Mạc-linh-Công khi trước, còn lưu hạ lại.

Xe chạy độ mười bảy, mười tám cây số, thì tới Ba-Hòn, ở đây có một cái kinh dài ăn thẳng ra kinh Hà-Tiên Rạch-Giá. Xe chạy đông một đôi nữa tới hòn Hang-Tiền; nghe nói cũng là một nơi thắng-cảnh, nhưng không ghé viếng được. Từ Ba-Hòn tới Hang-Tiền, một bên đường là bãi và núi Khỏe-lá, bãi Đước; một bên ngồn-ngang nào là núi Cây-xoài, Bãi voi, Sơn-Chà, núi Huynh. Toàn là những ngọn non nho-nhỏ, xinh-xắn. Minh sanh trưởng ở xứ đồng bằng, nay thấy cảnh núi non lạ mắt; ngó hoài không mãn nhãn. Ước gì có thì giờ, du-phiếm qua khắp mấy ngọn non thanh-thú kia mới toại lòng sở-nguyện. Từ Hang-Tiền lại chợ Hòn-Chông, chỉ có vài ba ngàn thước. Tới nơi, xe đậu gần nhà chợ nhỏ và sạch-sẽ; năm, mười căn phố, buôn bán lồi-thôi, không có chi là thịnh-vượng. Nhà cửa ở gần chợ cũng sơ-sài; lá, ngói chen lộn vài mươi cái. Hòn Chông là một quận thuộc Hà-Tiên; có dinh quan chủ quận, nhà dây-thép và trường học. Nhảm buổi tiền bạc eo-hẹp, nên nhà dây thép phải đóng cửa tạm. Quận nghèo tiền bạc, nhưng phong cảnh vẫn giàu.

Nhờ chủ xe hơi giới-thiệu cho một nhà có xe ngựa. Chủ xe ngựa, bình-dung cao lớn đầy-đà, nói năng bất-thiếp; ân cần mời chúng mình về nhà, nghỉ mát một chút, rồi sẽ cho xe đưa vô Chùa-Hang. Đi đường không quen biết cùng ai, có ý bợ-ngợ; may gặp người vui-vẻ, nhạy miệng, mau tay, lòng những cảm cảnh.

IV.— Hải-Sơn-Tự

Lỗi một giờ, ba anh em cùng lên một cái xe nhỏ, đi lại chùa-Hang, cách xa chợ độ bốn ngàn thước. Từ chợ đi vài trăm thước, thì theo một con đường kề bên mé biển. Đi ngang trước dinh quan chủ quận êm-dềm, trước nhà trường-học vắng-vẻ vì là nhằm lúc nghỉ học. Ngoài biển, lờ-lờ trên mặt nước nào là hòn Ngang, hòn Nghệ, hòn Ngồng, hòn Heo chi đó. Riêng về hòn Heo coi có ý-vị lắm. Không hiểu tại ở hòn ấy có nuôi heo nhiều, hay là tại ở xa xem giống bình con heo mà đặt tên như vậy.

Thấy mờ-mờ xanh trên mặt nước, dường như hai tầng lầu cất cách xa nhau; trên chót lầu lại có một cây cầu vòng bắt ngang từ tầng lầu bên này qua bên kia. Không hiểu tại sao mà cái hòn ấy hiện trước mắt ta như vậy. Về sau, cỡi thuyền ra chơi ở đấy, mới hiểu rằng cái hòn ấy dài, hai đầu là hai cái đỉnh cao, ở giữa thấp; chỗ thấp ấy trông dẹt; ở xa chỉ thấy ngọn liền nhau mà không thấy cội.

Cách Hòn-Chông độ hai ngàn thước, không còn đi dựa bờ biển; phải theo đường đá đi ngang qua một cái đồi cây rừng rậm-ri; xuống đồi gặp hai bên đường những vườn tiêu, trái lá rườm-rà. Đường xấu, ngựa yếu đi không muốn nổi; gặp chỗ dốc cao, hoặc cát nhiều, bánh xe lũng dưới cát; ba anh em phải xuống xe, đi bộ một đôi.

Tới Hòn Tróc, ngó ra ngoài xa, quần-đảo Bình-Trị và Hòn Ré thoát mờ, thoát hiện, tựa-hồ như kinh-ngạc hụp lặn. Mênh-mông biển rộng, sóng bủa lao-xao, mà người hạ-bạc vẫn đi ra ngoài khơi, đánh lưới, giăng câu; ngày này chỉ những thàng kia bình-bồng trên mặt nước, chơi-vơi giữa biển khơi. Minh cho là hiểm-nghèo mà người ta vẫn ung-

dung, không lấy gì làm ghê sợ. Nghĩ đến chỉ người Âu, người Mỹ đóng tàu chở cả hàng mấy ngàn người, lưu-linh trên mặt biển, như một cái thành-thị nhỏ đi vòng quanh địa-cầu, thì cái trí-óc người ta với mình cách xa nhau muôn trượng. Hèn như mình thì trách nào không có địa-vị dưới bóng Thái-Dương !

Tới Hòn Trẹm, bãi Dầu dài ước chừng ba ngàn thước; mút bãi cát thấy dạng núi; dưới chơn phát-phơ mấy ngọn dừa. Đứa bé đánh xe chỉ chừng dương; mặt hờn-hở; chúng-minh cũng hờn-hở.

— Tới chùa chưa em?

— Dạ gần tới rồi; kia kia, ở chỗ mấy cây dừa đó.

— Cứ đi tới dạng dừa là tới chùa, phải em ?

— Dạ, coi gần, chớ đi cũng mệt.

— Thôi em ngừng xe lại đây cho anh em qua đi bộ cũng được.

Chân-chứa một mối cảm-linh với sơn xuyên, để xe trở lại, cùng nhau lội xuống bãi cát, thủng-thẳng đi lại chùa. Bãi cát trắng phau-phau, mặc y phục trắng, ngồi ngay xuống đó chơi rồi đứng dậy giữ ít cái thi sạch, không có gì dơ-dáy. Nước biển thanh-trong như màu da sành, xem rất đẹp; cát lại trắng, tốt hơn bãi cát ở Mũi-Nai và Vũng-Tàu nữa. Bãi cát vòng nguyệt, dài ước chừng vài ngàn thước. Vừa đi vừa chơi. Mút bãi cát, sờ-sờ trước mắt, một hòn non nhỏ ở tận trên mặt nước trong leo-lẻo, trên thì cây cối xanh-um bao phủ.

Dưới chơn non, một cái miếu nhỏ đơn-sơ ở trong kẹt đá, thờ hải-thần, long-vương gì đó. Kề bên là cửa động. Để

chơn vào, hang sâu thăm-thẳm, mờ-mờ như lúc hoàng-hôn; vắng-tanh, lặng-lẻ, chỉ nghe tiếng bước của mình dội lại trên đá chập-chồng, lạnh-ngắt. Vào trong vài mươi thước, hang rộng lớn thêm. Mập-mờ trong bóng tối, hai tượng Phật lớn ngồi điềm-nhiên trên bàn-thạch, lẳng-lặng trước bình hương, âm-thầm giữa hang thẳm. Người vào động dường như có cái linh-khí thiêng-liêng, u-ẩn gì nó cảm-xúc mình vậy. Tiếc không-khí có hơi nặng-nề, vì ba con đơi muỗi tẻ-bạc. Thỉnh-thoảng mới có ngọn gió thổi lò, ngoài cửa hang đưa lại, hoặc do kẹt đá đưa vào, làm thêm lạnh-lùng. Từ chỗ thờ Phật là chánh-điện, hang còn ăn sâu vô, độ vài thước nữa mới tới chỗ người tăng ở. Động có chỗ rộng thênh-thang, dung được hàng mấy trăm người, có chỗ hẹp, cúi đầu mới chung lọt. Trên vù đá buông xuống lòng-thòng, kỳ-kỳ quái-quái. Đi luôn trong hang mấy chục thước sâu, mới trở ra miệng hang kia là chỗ trụ-trì, nhà sư ở. Bước vào đó mới thấy sáng-sủa, người thủ-tự đang ngồi viết bài vị. Người tề-tĩnh, ôn-hòa, chất-phát lắm; độ năm mươi tuổi, nhưng ốm, vì ngài chỉ ăn hột bo-bo và thảo-quả, chớ không ăn cơm. Ra vẻ người lam-lự, cực-nhọc, chẳng phải như phần đông người ở chùa, ăn dung, ngồi rồi. Mỗi năm phải tự tay cấy cấy, trước có cơm gạo cúng-quải, sau để cho người trong chùa và bần đạo tới ăn.

Chùa nhỏ lọt ngói; vách đá xanh, đục ở núi mà làm lấy rồi ngoài tô hồ và vôi trắng. Hiệu chùa là Hải-sơn-tự, ở động Phụ-Tử, vì chùa là cái hang, nên tục kêu là chùa-hang.

Thấy cách ăn ở đơn-sơ nơi chùa, nảy ra cái cảm-giác như phục hồi đời thượng cổ, mà sống lại cái kiếp sơ-sài, giản-dị lúc xưa; nhân-hạ, thong-dong, êm-đềm, tịch-tĩnh lắm.

Nghe nói hồi trước, một vị hoàng-tộc người Xiêm, vì có việc chiến-tranh trong vòng huỳnh-đệ, phải thất-lạc đến đây, gặp cảnh vi-diệu như vậy, bèn sanh lòng mến cảnh, nên bỏ gánh giang-san, nhẹ tình non nước, mà nghêu-ngao cửa Bụt cho qua ngày. Ông hoàng kia ở tu-bành trong động này, nên có lẽ hai pho tượng Phật lớn đây, chính là của ngài noi dấu lại.

Cho hay những phong-cảnh thiên-nhiên, diệu-kỳ thường gợi cảm-mỹ-tình, hoặc lòng tôn-giáo. Đứng trước biển rộng bao-la, trời cao lồng-lộng, kể đó là một hòn non kỳ-tú, lại gặp cái động sâu thăm-thẳm; nghĩ thân người nhỏ-nhút, sức người yếu-đuối, dầu tài ba thế mấy đi nữa, cũng không làm sao mà tạo dựng được cảnh tối vĩ, tối đại ấy, nên sanh lòng cảm khái; khiếp sợ, phục-tòng cái huyền-năng vô hạn của hóa-nhi.

Đến chùa, nghỉ một lát, ra tắm ở bãi biển, giỡn với sóng như trẻ con; hụp-bơi một hồi rồi lên; nghe trong mình khoẻ-khoảng lạ dường. Chiều lại, ra chơi bãi cát nữa; ngắm xem cảnh trời nước, núi non. Lúc thường, đọc sách, thấy tả những thú thanh-cao, những cảnh đẹp-đẽ, thì trong lòng vẫn khao-khát, nay được hưởng cả; nhưt là lúc chiều, đoài xem vàng ô khuất dưới non đoài và lúc tối, lạng ngắm bóng trắng soi xuống mặt biển.

Đêm ở chùa nhằm tối mồng tám là ngày vía, bèn đạo đến cúng Ngọc-Hoàng và cúng sao luôn. Lúc chiều ông tăng viết bài vị và sửa-soạn đèn cúng sao: Bài vị viết trên một mảnh giấy hồng-đơn, biên danh-tánh người dựng cúng, dán mảnh giấy trên một cọng cây, cắm vào một khúc chuối; trên mỗi khúc chuối cắm đèn cây, nhiều ít tùy ngôi sao phải cúng.

Tối lại, chè, cháo, bánh, xôi, bưng sắp lên đủ các bàn ghế. Nồi trống sấm lên ùng-ùng, động ba hồi đại-hồng-chung vang-dầy. Hương, đèn đốt lên sáng-lòa trong động; cùng nhau cúng-cung trước bàn Phật; mỗi người lễ-bái xong, ông sư mặc cà-sa, qui trước bàn, nghiêm-chỉnh đọc mấy lá sớ, trót giờ mới xong.

Không mấy thuở đến chùa, mà trót đã đến rồi, không lạy Phật sao cho phải. Người ta lạy Phật, cầu được làm giàu, làm có, được về Tây-Phương. Còn mình, biết Tây-Phương là ở đâu: Ở đó ra làm sao mà cầu về đó? Vậy cầu cái gì bây giờ? Thôi, lạy thì cứ lạy. Phật vẫn thấu-rõ tới tâm-trung mình mà ban-bố cho những điều đang mong-mỏi, lựa là phải vãi-van cho rùm tai.

Lễ-bái xong, một lát lui ra, không chịu nổi sự nồng-nực đèn khói trong động. Lễ-bái nhưng trong trí vợ-vẫn những tư-tưởng: không phải lễ-hưởng mà được phước, thất lễ mà mang họa. Sách Phật cũng không bảo cúng quải, thờ lạy như vậy. Người học Phật thậm nói rằng Phật chỉ dạy cái phương-pháp trừ diệt mọi nỗi thống-khổ, để giác-ngộ, giải-thoát cho quần-sanh, chớ thờ-phượng rườm-rà như vậy mà gọi là tu theo Phật-pháp thì e lầm đi.

Theo lẽ thông-thường, ai ai cũng hiểu rằng: tu là trau-giồi tánh-nết của mình cho nên người lương-thiện, chớ sớm mồm, chiều chuông, tồn hơi, mệt sức, vị-tất đã gọi là tu. Tu là tự-chế, hàng-phục cái tánh ích-kỷ, kèn-thúc cái lòng dục-vọng, đừng để cho nó bùng-lung, sai-khiến mình; lấy nghị-lực thần trí mà thắng lòng dục không chánh đáng, thiết-tưởng đó mới là tu.

Những tư-tưởng như vậy nó vơ-vẩn trong trí, nên vì chút chơn-ly mà phô-bày ra đây, nhưng bụng cũng vẫn biết có một phần người ở chùa là hạng người thuần-hậu, hoặc thanh-cao, lấy cuộc đời đối-giả làm bất mãn, không chịu nổi những điều bỉ-tiện, xấu-xa ở thế-gian này, nên mới vào ẩn cửa chùa mà tránh đi cho khỏi bị thích-dộng đến, nhờ câu kinh, tiếng kệ, đề khuấy-khỏa tâm-tinh, an thân, thủ phận mà đợi ngày lia cõi trần hườn gian-truân này vậy.

Đêm ở Hòn Chông chơi trên bãi cát; thưởng nguyệt, hóng mát tới khuya mới vào trước chòi lá của một lão bà gần cửa động mà ngủ. Dãi-dầu dưới bóng nguyệt bãng-lãng; gió thổi vo-vo, sóng vỗ ầm-ầm như có nhịp, có nhàng; vui mắt, êm tai. Nhặt thế cuộc ai ai cũng phải nhọc-nhắn bươn-bã làm ăn, trước để nuôi lấy mảnh hình-bại, sau làm lợi cho quê-hương, tổ-quán; không mấy khi được nhàn-rỗi; thành ra núi có đẹp, nước có xinh, phong-cảnh thiên-nhiên có lịch; nhưng thần-trí con người ít khi được rảnh-rang mà thưởng-giám.

Hôm trước, ngủ trên núi Cấm, ngắm bóng trăng trên đó, tưởng là đẹp rồi; không dè cái cảnh trăng ở đây gồm thêm sơn-thủy, nên cái vẻ đẹp càng tăng thêm bội phần. Ở núi Cấm sơn-phong có lẽ không lạnh bằng ngọn gió thanh-khiết ngoài biển đây. Còn có cái thú nào mà thích hơn cái thú chơi bãi biển, ngắm bóng trăng, thật là cái thú nên thơ, nên mộng; không làm sao tả ra cho hết được cái khi-vị thâm-trầm nó mê-mẩn khách du-quan; phương chi ngòi viết của tôi lại vụng-về, làm sao vẽ ra cho khéo được.

Cái con mắt, cái quả tim của nhà thi-sĩ cũng như mình; cũng lóng xem, cảm-xúc chứa-chan, cũng mến-yêu thắm-thía cái cảnh mĩ-lệ của Tạo-vật như mình, nhưng biết dùng ngòi văn tài tình, sắc-sảo mà hình-dung lại cái cảnh giang, sơn, phong, nguyệt, để cho nhiều người cùng thưởng-giám và mô-tả mỗi cảm-hoài êm-dịu trong tâm-giới ra, để cống-hiến cho đời.

Đêm ở đây là đêm thứ nhì mà mình nằm ngủ dưới bóng trăng. Từ nhỏ đến giờ chỉ ở nhà kín; ngại nắng, kinh sương, mà cũng không có điệp nào được tiếp-xúc với phong sương như vậy; tưởng ngủ ngoài trời là lạnh-lẻo, nào có bưng-thú gì; không dè ngủ đêm ấy thật là thích chí, khoái lạc lắm. Về nhà ngồi nhắc lại, trong lòng vẫn ghi-giữ một cái cảm-hoài rất êm-dịu vô cùng, suốt đời có lẽ không quên được.

Ngủ một giấc ngon, sáng dậy trong mình vui-vẻ; cùng nhau đi ngông ngoài bãi biển nữa. Gió vụt-vụt thổi; ở mặt biển muôn ngàn lượn sóng cuồn-cuộn rược, giỡn với nhau; chạy ồn-ào, vô vào bờ, nước phung tỏa lên trắng-giả. Mặt biển kia, tâm-hồn này có liên-lạc gì chẳng mà vẫn dẫn-dắt mãi! ngồi ngắm suốt giờ lâu mà không thấy chán!

Hằng năm, lo nghĩ về công-cuộc mưu sanh; thân, trí mệt-mỏi; lúc nhàn-hạ ra ở mé biển; an dưỡng ít lâu thì trong mình vui sướng, hồi-phục lại sức-khỏe để phấn-đấu mà cung-cấp cho cái nhục-thể nặng-nề cho tới ngày mai-một.

Thấy sóng biển bờ vôi, bất giác nghĩ lãng-mạn: cũng mặt biển này mà có lúc không một tý sóng dợn, phẳng-lặng như tờ; có lúc thì ba-đào nổi-dậy, chuyển-dộng xôn-xao, làm cho thuyền, tàu phải chìm-đắm.

Nghĩ lại bồn-tâm con người ; lúc thường bình-tĩnh, nếu gặp phải việc bất như ý thì lửa nộ bùng-bùng cháy lên, phát-lộ ra bên ngoài; mặt phừng đỏ, môi tái xanh, không làm chủ được cử-chỉ nữa.

Phật-Tồ xưa kia là một nhà sành tâm-lý lắm. Ngài vẫn biết cái nộ-khi là con quỷ hung-tợn, gây biết bao nhiêu tội ác, mà đưa người vào chốn lao-lung: Thử xem trên thế-gian này, biết bao nhiêu người, vì một lúc lôi-đinh chi nộ mà cấu-xé, đánh-đập nhau, đến đôi máu tuông, dầu giập, hại mạng, giết người, rồi mắc vào vòng tù-tội. Bồn tâm ta mà bị bất tỉnh, lục-dục xây chuyển thì không còn gì là thanh-tĩnh nữa.

Vô tình, vô dục, thì con người không còn là con người nữa; vô tình, vô dục, thì quả cầu không còn dấu-vết gì là sanh-hoạt nữa. Thật vậy. Nhưng nghĩ thử mà xem, những tấn tuồng ghê-gớm, khốc-liệt phô-diễn trên sân khấu thế-gian này; nào là hại mạng, sát nhơn, nào là chiến-tranh, giặc-giả; máu chảy dường biển, thây chât dường non, cảnh-tượng thê-thảm ấy, có phải vì tình, vì dục mà ra chăng?

Những khảm-đường trên thế-gian này là gì? Địa-ngục âm-ty nào đâu không thấy, chớ những khảm-đường, ngục-thất sờ-sờ trước mắt ta, tức thị là địa-ngục, a-ty hiện tiền ở thế-gian, nó giam-hãm, đọa-đày một phần nhơn-loại, vì yếu sức, không đủ nghị-lực mà chế-ngự nổi cái dục xâu, cái tình xằng trong giây phút mà ra vậy. Âm-ty, địa-phủ nào đâu không thấy, chớ những tấn tuồng thù-ngịch, giết hại với nhau trong vòng nhơn loại; nước lớn, nước nhỏ, phi-thoàn nướm-nượp trên không trung, tào ngăm dập-diều dưới đáy biển, thần-công, đại-bác, «bôm» lớn, đạn nhỏ; binh bộ, binh thủy, hàm-bầm chực giết lẫn nhau để tranh-giành quyền-

lợi to, mảnh dặt nhỏ; những tấn tuồng ấu-xé, đánh-đập, quyết liệt trong vòng anh em chúng loại với nhau như vậy, vì đâu mà ra? Ôi! có phải vì tình, vì dục chẳng?

Ngồi chơi ở biển, thấy sóng bủa lao-xao mà nghĩ suy lãng-mạn; lòng những vui-sướng. Chơi đến mấy giờ rồi vào chòi lá bà lão hỏi thăm cảnh vật. Bà nói gần động đây còn có cái hang khá đẹp. Cậy bà dắt lại đó xem. Lão bà nay đã ngoài lục tuần, tuy ốm mà còn sỏi lắm. Đi vòng quanh trái núi, qua phía đông nam; níu rễ cây, nương tảng đá, trèo lên núi; đi một hồi, lão-bà lách mình, chùng xuống hang; anh em chùng theo. Miệng hang ở trên; ánh nhật-quang rọi vào; chỗ sáng, chỗ mờ. Động đá này tròn-viin như cây lọng úp; rộng thênh-thang, cao độ mười thước ngoài; mường-tượng như chánh-điện nhà-thờ. Thạch nhũ, màu ngà-ngà, buông xuống tứ-tung; dòm thoáng qua, dường thể nhà kiến-trúc nào đã khéo tay điêu-khắc vậy; tế nhận ra thì không giống hình gì. Đẹp nhất là những mảnh đá trắng ngần như thủy-tinh, sáng trong như pha-ly; vàng, đỏ, xám, xanh chiếu-diệu; đủ màu, đủ sắc; long-lanh chớp-nhoáng dưới bóng nhật-quang nửa tỏ, nửa mờ. Cảnh thiên-tạo một lò rất nên khéo-léo!

Trong động nói chuyện, tiếng vang nghe rền; thỉnh-thoảng ngọn gió vo-vo ngoài cửa động hoà với tiếng sóng ầm-ỹ ngoài biển như khúc nhạc tiêu-thiếu vậy.

Trên một tảng đá màu sắc lập-loè, một nén hương ai để hồi nào. Ai cúng-quải gì mà có hương đó? Lão bà nói cách ít lâu, có ông C, người tân-học, vì chán-nản mùi đời tân-khổ nên muốn ẩn thân vào đây, để vui-vầy với núi, non, trời, nước; vất bỏ lợi danh, để đắm âm cảnh thuyền, từ

đuốc huê ; nhưng vì ông này có cái di-vãng sao đó, nên quan trên hồ-nghi, không cho ở.

Xem hồi lâu, đi ra, ngồi trên gần miệng hang, bỗng dung nhớ bài thơ của Mạc-thiên-Công :

Quý trồ, thần xoi, nổi một toà,
Chòm cây, khóm đá, dấu tiên gia.
Hang sâu thâm-thẳm, mây dung lại.
Cửa rộng thênh-thênh, gió thổi qua.
Trống-lồng bốn bề thấu khí giới,
Cban-ban một dãy chừa yên-hà.
Thợ trời mới biết cơ trời dấy,
Cân đai hèn chi rõ ý la. (?)

Minh thấy cái động này êm-tĩnh, bất giác bụng cũng nghĩ :
• phàm con người ở đời phải cố công, cùn sức mà gánh-vác việc đời ; đến lúc tuổi già, gối chồn, sức yếu, tay không làm nổi nữa, không còn đóng vai tuồng nào được nữa, cũng nên thối bộ vào ẩn-dật ở những nơi êm-ái, xa hơn gian, gần tạo-vật để di-dưỡng tâm thần cho đến ngày đem mảnh thân tàn nhục thể mà trả lại cho cỏ-cây đất-cát. Xem hồi lâu ra về, lòng những bát-ngát.

Đi vòng quanh trên núi, bước hòn đá nọ qua hòn đá kia, gập-ghềnh, nơm-nớp sợ ; vịn cây lớn, vớ cây nhỏ. Bầy hầu xám chuyền lia-lịa trên cây ngắc-nga ngắc-ngheo, hú bạn vang-rân ; đoàn chim nhỏ nháy thẳm-thoát trên cành, gọi bầy lẳng-liu. Chơn non xa-xa kia, một ngôi nhà, nửa ẩn, nửa hiện dưới tàng cây tươi-nhuận. Xuống tới chơn núi, bà lão về. Anh em khoan-thai, ngao-du, lại cái nhà mới vừa thấy. Nghe đâu là nhà thừa-lương của quan kiểm-lâm. Nhà nhỏ, khoáng-khoát, sạch-sẻ, day mặt xuống vịnh, xem cũng thanh-

thú. Ở đâu có bãi cát tốt, cảnh đẹp, gió mát thì người quý-
quốc vẫn đặt nhà thừa-lương ở đó. Cách chơi thanh-tao mà
hiệp vệ-sanh lắm. Người mình cũng có tiếng thanh-tao mà
kẻ hào-phú, không mấy người có nhà hứng mát như vậy.
Trong cuộc đồ bạc, dám thua trong một sòng đến bạc ngàn,
bạc muôn; còn lối chơi vừa thanh-lich vừa cần-ích cho sức
khỏe mà không tốn kém bao nhiêu, sao lại ít kẻ thích quá.

Đang chơi trên bãi biển, lòng những hân-hoan như lúc
hãy còn bé thơ, chỉ biết ăn cùng ngủ trong tay yêu-dương,
chiu-chuộng của từ-mẫu. Lúc nọ chợt thấy phát-phơ một
cánh buồm ngoài xa lần lần đi tới. Một con thuyền ghé lại
bãi. Một ông lão và một người trai-tráng lên bờ, đốt lửa, nấu
cơm, ăn. Tưởng đâu là nhà ngư-phủ nào, không dè hỏi thăm
ra mới hay, ông lão ấy là người ở Rạch-Giá đi ra hòn, tìm
con. Con ông trước có làm giáo-học, theo đạo Tam-kỳ; thỉnh-
linh xin từ chức; một hôm trình với phụ-thân đi du-ngoạn.
Ở nhà thấy lâu không về bèn đi kiếm. Té ra thầy kia ngao-
ngán đường hoạn lộ, trốn nhà, ra ngoài hải-đảo nào đó,
lánh thân tu-luyện.

Ông lão thồn-thức kể chuyện con, nghe qua bắt chạnh
lòng, cảm cảnh, nhứt là lúc ông lão kêu từ, cất chèo ra đi.
Dòm theo, cánh buồm lơ-lửng trên làn sóng nhấp-nhò nhồi
đầy; lấy mắt đưa ông lão, ngậm-ngùi quá; bụng thăm-thì
cầu cho bề lặng, sóng êm, ông lão kia tìm được con, cho cỏi
lòng phiến-muộn.

Dòm theo con thuyền mãi, đến lúc không còn thấy nữa
mới trở lại chùa, hầm-hút rau, tương rồi ra về, vì cậu bé đưa
đi hôm nọ đã đem cỗ xe con lại rước. Từ tạ nhà sư và các
người trong chùa, bước chơn ra về, ai nấy đều ra về triều-

mến; nhứt là lão-bà đã hướng đạo cho lúc nầy, tiền ra khỏi động, căn-dặn mấy lần, bảo khi nào tái bước, xin ghé động, viếng bà.

Dời chơn còn đoái lại mấy lần; những mang nặng một mối cảm-hoài với phong-cảnh; bụng vẫn hện-hò cùng sơn-xuyên, thủy-thồ ở đây còn có ngày tái ngộ. Bát-ngát trong tâm tựa-hồ như bắt tay lần chót của người bạn thâm-yêu trước cơn giã-từ tổng biệt vậy.

Tới Hòn Chông, đón xe hơi về Hà-Tiên. Thừa lúc xe chưa chạy, lại viếng nhà một người chuyên về hải-nghiệp. Trong nhà có một vị giáo chức dạy tại trường. Thấy ưa chơi sò-ốc nên bài-tri trên bàn, trên vách nhiều vỏ sò-ốc ở biển rất lạ; hình-trạng, màu sắc coi ngộ-nghĩnh quá: con ốc sành vỏ trắng hoặc hồng, điểm đỏ, láng ngời. Ốc xa-cừ màu ngà chiếu sáng; có con hình như ốc hương, nhưng đẹp-đẽ lắm, có đốm vàng, đốm xanh; chung-quanh miệng sọc đỏ, sọc hường. Vỏ sò tiếng pháp kêu là « bénitier », vì dùng đựng nước thánh, theo vành miệng có giúm, có vẩy như cánh hoa rực-rỡ. Lại nhứt là loại ốc-đá (rocher) hình trạng kỳ lạ, hoặc dài, hoặc tròn, chung quanh nhiều nhánh, nhiều tua như ngôi sao, rất sắc-xảo. Tóm lại nhiều thứ hình-trạng lạ-lùng, màu-mè rực-rỡ, dường như tay danh họa nào tô-điểm, vẽ-vời rất tươm-tất. Tốt nhứt là cái bông đá màu hồng-huân, hình như cây kiền nhỏ, nhiều nhánh-nhóc tỏa-ra, xem rất lịch, rất khéo.

Người chủ nhà thuật chuyện đánh cá biển, nghe qua thì hải-nghiệp rất cực-nhọc, nhưng lý-thú lắm: thuận mùa, thuận nước, cụ-bị gạo, củi theo, cỡi mấy con thuyền buồm, ra tuốt ngoài khơi, giang sức bủa lưới ra, đợi đến con nước

kéo lên ; may trúng không biết bao nhiêu tôm cá ; bằng chẳng may, « bà cậu không cho », bao nhiêu công-phu mệt-nhọc, dan nắng, dầm nước cũng hoài công.

Nhà chài lưới phải xem chừng trời nước, liệu có giông, gió phải mau-mau kiếm chỗ trú ; nếu rui, trốn không kịp, bị một trận giông to, gió lớn thì phải xiêu-lạc, chim chết không chừng. Còn cách tầm ốc sò cũng khổ : ra ngoài hòn khơi, nín hơi, lặn xuống sâu, ở ngấm hồi lâu dưới nước, mò, kiếm. Có khi nổi lên phải ói huyết ; rồi ra cũng lặn nữa. Thương hại cho công việc làm rất hiềm-nghèo ! Một nổi nữa là dưới biển còn nhiều loại cá dữ, rắn độc, có thể hại mạng ta được. Nghe qua cũng đủ hãi-hùng, nhưng người chủ nhà nói : « tuy thấy biển cả, sóng to mà sợ, chớ năm khi, mười họa mới có xảy ra chuyện hiềm nghèo. Ai cũng có số phần chớ ! »

Tin có Trời, phú thác sanh-mạng cho Khuông-Thiên ; tin có cái thuyết định-mạng thì mới vững lòng vượt bể ra khơi, làm các hải-nghiệp được. Cái thuyết định-mạng này không phải chỉ riêng ta tin mà thôi, xưa kia trong sử La-Mã có César là một nhơn-vật xuất chúng, văn, võ kiêm toàn ; một hôm đi thuyền, giữa vời bị bão ; thuyền nhỏ, sóng to ; người lái sợ-hãi, muốn quay thuyền trở lại. Ông César can và nói : « mi chớ César và mạng số César mà còn sợ gì ? » Ấy là một bậc kỳ-tài ở La-Mã tin cái thuyết tiên-định. — Nhiều bậc hiền nho, đại triết ở Á Đông ta cũng tin như vậy : sách Liệt-Tử nói : « niên ngoạt nhưt thời giai tải định, toán lai do mạng bất do nhơn... ». Ông Mạnh Tử cũng tin : «... nhưt âm, nhưt trắc, sự giai tiên định, phú-sanh không tự mạng, vạn sự bất do nhơn kể tạo... » — Còn câu này của thầy Tử-Hạ thì thật

là rõ cái thuyết định-mạng lắm vậy ; « Tử sanh hữu mạng, phú quý tại thiên ».

Nhơn nói chuyện hải-nghiệp hiểm-nguy mà chủ, khách thành ra nhà triết-ly. Đang ngồi đánh phách với nhau, lóp-lép ba cái chữ nho để đi ăn giỗ, xe hơi bốp kèn, kêu. Kiểu-từ lên xe. Ngồi xe lúc trưa không khoẻ-khoảng gì mà ngoạn cảnh. Con đường chỉ ba mươi ngoài cây-số mà xem như dài dằng-dặc.

V.— Núi Tô - Châu

Lối ba giờ tới chơn núi Đại-Tô-Châu. Đền-huê ghé viếng chùa Tiên-Châu là cái chùa nhỏ ở sườn núi, kề bên lộ. Cảnh coi điu-hiu, u-trẻ như bỏ hoang. Chùa ngôi nhỏ gần hư sập. Ở xa không biết là cảnh chùa, vì là cửa tư một bà lão tạo ra. Kề bên chùa, một cái nhà lá cũ, ba căn, xiêu ngã ; vào trong mà vẫn còn thấy trời ; cảnh thật thê-lương, ủ-dột. Một bà lão, độ ngoài tám mươi, nghe chúng tôi đánh tiếng, vén mùng ra, vừa hỏi vừa rên : « Ai đó ? »

— Thưa, chúng tôi là người Vĩnh-Long, xin bà cho phép viếng chùa. Bà ở đây với ai, mà vắng trước, quạnh sau như vậy ?

— Mô Phật, tôi là chủ chùa, tôi ở đây một mình.

— Bà có con, cháu chi không ? thưa bà.

— Mô Phật, tôi không có con, cháu gì hết ; trước kia tôi có cho nhiều ông tăng ở hương khói hôm mai, nhưng họ thấy tôi đau, chùa nghèo, họ bỏ tôi, họ đi hết. Thân già lại thêm bệnh-hoạn, nhưng phải lần hồi hương đèn cho Phật. »

Thấy cảnh chùa quạnh-hiu, hư, sập và nghe bà lão than phận cô-độc của bà rất thê-thảm, cảm lòng không đau. Nghe bà kể mọi nỗi nguồn cơn một hồi, trình bà, đi xem chỗ thờ. Bàn thờ bụi-bặm đóng đầy, nhện giăng ngang, giăng dọc, cốt Phật khói đóng nám đen; chùa hư, vách đổ, ẩm-đạm, buồn tanh.

Bình thường lắm khi lên mặt triết-gia, cho rằng tượng cây, cốt gỗ không đáng tôn-sùng, thế mà nay thấy cảnh xich-xác ở đây, đến đôi bụt kia cũng phong-trần vất-vả; ngậm-ngùi cho cảnh thê-lương.

Xem xong ra đi, hiển chút ít tiền cho bà lão, xót thương cho thân cô-quả của bà vô chừng. (Qua năm sau, trở lại viếng bà nữa, thì ra bà đã du tiên.)

Lại viếng chùa Tô-Hòa-Tự cũng ở bên chơn núi, gần Đông-hồ. Cảnh chùa này do một nhà từ tâm mới cất ít lâu. Chua ngói, vách gạch, không có chi là cổ-kính. Tượng, cốt chất lênh-khênh, đầy bàn thờ; lớn có, nhỏ có; áo đỏ, áo xanh, râu mày nhằng-nhụi.

Nghe đâu ông chủ chùa là người thâm Hán học, có chơn trong hội chấn-bưng Phật-giáo và xuất của nhà, lập nhiều cảnh chùa lớn mà cảnh này là một. Không được hân-hạnh biết ông, nhưng nghe qua, rất khâm-phục tấm lòng tôn-giáo của ông. Nằm tiếc một điều là cách bài-trí, sắp-đặt trong chùa, chưa được mấy chấn-hưng.

Trưởng nhà nhiệt-tâm với đạo Phật nên do theo đạo Cơ-Đốc mà chấn-chỉnh và hoằng-khai đạo Phật thì không phương nào hay hơn nữa.

Nhà hậu-tổ có ghế bàn sạch-sẻ như cảnh nhà ở thế, không có chi đặc-sắc. Chùa có nhiều câu đối chữ Tàu, chính tay ông chủ chùa đã đặt ra, chỉ còn nhớ câu này :

Từ thời cảnh vật thanh tân sắc,
Vạn cổ sơn hà võ trụ xuân.

Người thủ-tự thiết-thả, đầu còn để tóc bới; mỗi buổi sáng thức dậy khuya công-phu, tay mõ, tay chuông, đọc kinh trót mấy giờ không kịp thở. Mệt cho cái công bái-sám của người. Trưa, chiều, khuya cũng bái-sám, đọc mấy thời kinh. Từ thời tụng niệm; hao hơi, tổn khí biết bao! Còn một tăng-ni có biệt xá ở gần chùa, xuất gia, trai giới đã lâu; mỗi thời cũng lại chùa công-phu. Sư huynh thâm Hán học, kinh kệ lâu-thông, ngôn-ngữ lưu-loát. Buổi trưa đang trò chuyện vui-vẻ, ngài xin kiếu, vào liêu công-phu. Ngồi thoàn, tay bắt ấn, tay lăn chuỗi, mắt lim-dim, miệng đọc thăm-thì. Công-phu suốt giờ lâu, nằm ngay xuống giường, ngủ.

Ở giữa thời buổi cạnh-tranh, người người đều xôn-xao giông-ruồi, chạy xuôi, chạy ngược; đầu tắt, mặt tối, để mưu-đồ cuộc sanh-tồn cho cá-nhơn, cho chủng-loại; giữa thời buổi mưa gấm, gió thét, nước lớn lo giữ vững địa-vị mình, làm càng ngày càng thêm phú cường; nước nhỏ thì cong lưng, cúi cổ, nơm-nớp sợ nạn đào-thủy, diệt-vong; mà có kẻ được bình tâm, giác-ngộ, không vì chủ-nghĩa quốc-gia eo-hẹp mà vì chủ-nghĩa nhơn-loại đại-đồng, biệt lập nên một cái xã-hội ôn-hòa, ngoài vòng nhơn-sự phạm tình. Phải chi cây muốn lặng mà gió cũng ngừng, ta muốn hòa mà thiên-hạ cũng hòa theo, thì họa chẳng thế-giới trăm-luân này mới bớt đi một đôi phần thống-khổ, mà bến mê này mới bớt ba-đào đồng tố.

Từ ngày du-ngoạn đến nay, mắt được xem thấy một vài đạo-gia, vì cho cõi trần buồn này là xấu-xa, nên tự tạo ra một cái thế-giới vô hình khác để lây-lắt cho qua ngày. Đang sống giữa cõi trần này mà tâm-hồn vẫn mơ-mộng viễn-vông cõi tây-thiên, tỉnh thổ nào đâu. Những người ấy, không phải toàn là bất tài, bất lực; có kẻ cao-siêu, mang nặng một mối ưu-ái với đời lắm. Nhớ một ông tăng kia có nói: « ở cõi đời này, thiên-tai, địa-ách bất kỳ, lại thêm muôn ngàn bệnh-tật thê-thảm, thế đã khổ rồi, lo mà tránh chưa xong; vậy mà tựa-hồ như có kẻ chữa cho là đủ hay sao, nên cố gây tạo thêm cái khổ nữa: nước lớn dụng lực ép-chế nước nhỏ, chiến-tranh thù-khích; người mạnh hiếp-dáp kẻ yếu, coi nhau như cừu-dịch. Trên bờ thì thú to nuốt thú nhỏ; dưới nước thì cá lớn ăn cá con; thiệt-hiện ra cái cảnh đáng thương tâm, thảm mục lắm vậy.»

Ông tăng kia có dư nước mắt khóc đời thiệt. Một nhà văn-sĩ Pháp có nói: « nếu anh ta-thán nhiều hơn kẻ khác về những việc đời, anh chớ nên lấy thế làm ngạc-nhiên; cái tâm hồn cao-thượng tất phải chứa-tích nhiều đau-khổ hơn cái tâm-hồn nhỏ-nhen vậy.»

Nếu hạng người kia không dụng tư-tưởng mà tạo ra một cõi đời tốt-đẹp hơn, thì còn hi-vọng, còn hạnh-phúc gì mà sanh-tồn với cái xã-hội bất nhơn, thất đức này được.

Thê-thảm cho đời, đau-đớn cho đời, vì y, thực, lợi, danh mà cấu-xé nhau; nhưng không có phương sách gì để ngăn-ngừa cái mối thù-khích kia được, nên chỉ đứng ra một bên, làm kẻ bàng-quang, lấy mắt dòm xem mà roi lụy cho anh em nhơn-loại đương quyết-liệt với nhau trên chốn chiến-tràng.

Từ-bi thay cảnh But!
Công-đức biết dường bao!
Trầm-luân là cõi thế,
Cửa Phật rất thanh-tao.
Quần-sanh hại, giết lẫn,
Phật thấy, động lòng đau.
Sáng tỏ truyền bác-ái,
Giác-ngộ lấy trần lao.
Sắc-sắc là mộng ảo,
Không-không mới siêu cao.
Tram-tịch tâm tĩnh-táo,
Mê-muội phải lao-đao.
Thuyền từ đưa bến giác.
Đuốc huệ chiếu tâm bào.
Chày kinh kêu cảnh-tĩnh,
Câu kệ thức chiêm-bao,
Lân-mẫu nguyên tế độ.
Tổ-ngộ, bỏ anh hào!

Chúng ta thiên về chủ-nghĩa xã-hội, nên nghĩ rằng áo, cơm nhà cửa, cho đến cái tri-thức của ta, mỗi-mỗi đều nhờ xã-hội cung-cấp cho, vậy làm người phải đem hết tâm-thần, trí-lực làm công việc, giúp ích cho nhơn-loại, tô-diềm cho mặt địa-cầu càng thêm vẻ tốt đẹp, vì bằng sống mà yếm-thế thì dắc tội với xã-hội. Thiệt ra phần đông người ăn-dật, ít học-thức, mộc-mạc, chất phát; đâu có biết tình liên-lạc xã-hội như ta, nhưng lấy kiếp sống của họ mà so với của ta, chưa chắc gì ta hơn họ về chỗ công-ích. Pháp-văn có câu: «Phàm người nào có trồng một cái cây, thì kiếp sống không vô ích vậy». Phương chi phần-đông người tu là hạng lam-lự, có trồng-trĩ; làm nhiều mà ăn ít; cơm, rau đủ no; vải-bộ đủ ấm. Có

lẽ họ không đảc tôi, mà chính chúng ta là hạng lẩn-lóc, tri-trục với xã-hội, bắt mắt làm cao, tự xưng là nặng-tinh xã-hội đây, lại càng đảc tội hơn. Thọ hưởng nhiều, ăn đủ mọi món cao-lương mĩ-vị ; mặc thì đủ mọi thứ hàng, nhiều, tơ lụa ; còn ở thì nhà cửa huy-hoàng, lại thêm trang-sức là khác nữa. Thọ lãnh nhiều, sanh-tạo ít, chính là chúng ta đây.

Sáng bữa sau, nhắm mồng mười, lên núi Đại Tô-Châu với ông lăng ở gần chùa. Lộì càn trong rừng, không có đường mòn. Cảnh thiên-nhiên, mỗi chỗ đều có cái vẻ đặc-sắc riêng, không nơi nào giống nơi nào hết. Ở non này, không phải cây cao, cội lớn, nhưng tươi-mướt lắm ; cát, đá lẫn nhau, không phải toàn là những khối đá to-lớn chồng-chất lên như Thất-sơn. Không đặng lên đến tuyết đảnh, chỉ lên tới một chỗ sũng, hai đảnh giáp nhau. Đây là cảnh cũ của một ông lão đã tạo ra, nay ông đã quá-vãng, nên cảnh bỏ hoang. Những cây ăn trái ra chiu điêu-linh, buồn-bả, dường như nhớ chủ nên không đơm hoa, trổ trái gì. Toàn cảnh khá đẹp, nếu có ai lập nhà thừa-lương ở đây, lấy sức nhơn-công mà tô-vẽ cho cảnh thiên-tạo ; dựng một cái nhà nhỏ, tư bề trồng kiền vật, bông hoa, thì cảnh kia càng khả ái lắm vậy.

Còn gì ngoạn mục bằng ở núi Tô-Châu ngó-mông cùng tứ phía : dưới chơn rục-rỡ phố-xá Phương-Thành, ngôi dỏ, tường trắng, nóc thấp, nóc cao, xem rất phong-quang. Gần một bên, mặt nước Đông-Hồ lăng-lặng như tờ giấy trải, dựa bên lở-lững năm bảy chiếc thuyền đi biển, kiểu-vỏ đặc-sắc ; kề vai tha-thướt ngọn Tiểu Tô-châu, cỏ cây một màu tươi nhuận.

Xem một hồi lâu ra đi. Do một phía khác, qua Tiểu Tô-châu. Lộì đại trong rừng cây-cối rậm-rạp ; dây bìm, dây

sắn leo-bò tứ-tang, như treo tòng, kết tụi. Chơn tuồng-thắng đi, tay lần lần vịn; mắt xem, lòng cảm; không mấy hồi đã tới chơn non, ở về mặt nam; bỗng dưng gặp một vườn tiêu của một anh khách-trú. Mấy trăm cây nọc trồng ngay hàng, thẳng lối trên cát, dây tiêu bò quấn chung-quanh cây nọc như dây trầu; buồng lá sum-sia, trái đơm sai quần-quại. Hỏi thăm ra thì trồng tiêu cũng lắm công-phu; hằng năm phải vun-bón, mùa nắng phải tưới. Dây tiêu có thể sống năm, bảy chục năm; lâu năm cây nọc mục, phải thay cây khác. Trước kia tiêu có giá; cứ mỗi năm hái được năm bảy tạ tiêu là có năm bảy trăm đồng bạc, vì một tạ tiêu giá một trăm ngoài đồng; mấy năm gần đây giá tiêu rẻ lần; hiện giờ chỉ trong ngoài hai chục đồng bạc thôi.

Qua khỏi vườn tiêu, đi chơn vào một sở rẫy trồng dưa-hấu. Dây dưa lá xanh, bò sồn-sơ; trái lớn, tròn, nằm trường-trường trên giồng cát trắng. Minh sanh-trưởng ở xứ dưa, từ nhỏ đến lớn ăn không biết bao nhiêu dưa, thế mà chẳng mấy khi đặt chơn vào rẫy dưa. Lúc nọ thấy dưa, dây, lá xanh-tươi, trái đơm cùng dưới chơn, xem cũng lấy làm đẹp.

Anh chủ rẫy là người Triều-Châu; cây sấu, cuốc bằm, củi-lục làm ăn, đem giọt mồ-hôi mà đổi lấy chén cơm, manh áo. Tánh-tình hòa-huẩn; niềm-ở mời chúng-minh ăn dưa giải khát; tuy không khát, nhưng bụng vẫn thâm cảm cái tấm lòng anh kia quá. Xem chừng như anh an-lạc với khóm lâm tuyền này lắm vậy: vợ chồng và con cái, áo vải, quần bó, dề-huề cặm-cui làm ăn; chồng chăm-chúc xới đất, vợ lụm-cụm bón phân, con trai bôn-hở tưới nước, con gái tưới

cười nhò cổ ; thiết-hiện ra cái thú : khỏe làm, mệt nghỉ, đói ăn, khát uống ; tuy có ý hẹp-hòi mà tự-tại, tiêu-dao lắm vậy. Nhưng nghỉ cho cùng thì công-trình cũng có ; trái dưa mà vợ chồng anh chằm-nom vun-bón đây, biết đâu rồi không bán ra cho nhiều người hưởng.

Ngồi ở chòi lá nghỉ chơn một hồi rồi cùng nhau đi qua Tiểu Tô-châu. Lên hai phần núi, ở về mặt đông, gặp một cái am lá nhỏ ; bước vào ; bàn ghế, hình tượng bộn-bề. không có trật tự gì ; trên cột thì đối đỏ, liễn xanh, nét bút nguệch-ngoạc ; sơ-sài, ỉm-thảm ; không có gì đáng quan tâm, chú mục. Chung-quanh am, râm-ri nào cam, quít ; nào mận, đào ; trông không hàng lối gì hết. Chủ am hình-dáng kệch-cộm ; bà vợ cũng xứng với ông chồng. Lời ăn nói cũng như điện-mạo ; nghe qua lời nói biết người tín-ngưỡng thô-thiển lắm.

Nghĩ con người có cái xác thân này thì phải chịu đau-đớn, bệnh-hoạn ; gặp việc tai biến lấy ai mà cứu khò, phò-nguy, an-ủi cho ? Người học thức thì tin các tôn-giáo có nghĩa-lý ; còn người mọc-mạc, nhẹ dạ, non gan, gặp phải lúc ốm-đau nguy-biêm, thì qui-hồ có kẻ tự xưng rằng vào gánh cái đau-đớn, khổ-ách cho là tin ngay, trọng ngay ; hà-tất còn quan-sát, xét-suy gì nữa ; bởi có nên các mối mê-tin, huyền-hoặc, đồng bóng, xác cô, xác cậu mới nảy sanh ra được mà lợi-dụng cái lòng tín-ngưỡng của người, lại cả tiếng tự xưng là cứu dân, độ thế ; nghĩ cũng buồn cười quá.

Nhơn vì thấy cách thờ-phượng trong am, mà nảy ra cái cảm-tưởng như vậy ; chớ lấy tâm-lý mà xét, thì đồng-cốt thật biệt ra hai hạng : một hạng dụng tâm, cậy nhờ cái lối « ông lên bà xuống » để làm kế sanh-nhai ; hạng này thì không

còn bán tới làm gì. Còn một hạng nữa, vì chịu ảnh hưởng hoàn-cảnh mà phải vậy ; hạng này thì vô phước, hoặc sanh nhằm trong một cái gia-đình mà chính người đã hạ-sanh ra họ là đồng cốt, hoặc ở trong làng xóm, từ ấu chí trưởng, bị các mối mê-tin hoang-đường nó phủ vây, không được thọ hưởng giáo-dục gì; hễ có vang mình, sốt mảy, thì đồng này lên, cốt kia xuống, ợ ợ, ngáp ngáp, nào bùa, nào chú, nào niệt, nào tom ; uống giấy vàng, giấy đỏ đầy bụng. Thử nghĩ sanh trưởng trong cái hoàn-cảnh như vậy, dầu-óc bị giam-hãm trong chỗ u-mê ám-chương, lớn lên làm sao thoát khỏi. Nào-cân, khối óc đã đào-luyện trong chốn kỳ-quái, đã hấp-thọ cái không-khí mông-muội tối đen, thì tài nào thoát ly, khỏi nhiễm. Người sanh-hoạt trong cái hoàn-cảnh đó, khi lớn lên chỉ nghe hơi hương, hơi đèn, thì họ gật-gờ, gật-gưỡng rồi. Đáng thương-hại lắm vậy.

Chuyện-văn sơ-sài với người chủ am, một lát ra ngoài, chụp lấy cảnh-vật vào mắt, để kỷ-niệm cuộc đặng lâm. Du-son là trước hết để thâu-quát lấy cảnh-vật xinh-tốt, sau để thư-thả trong tâm-trí, không dè lên đây mục-kích cảnh am mà bỗng dừng lại thiết-tha thế-sự.

Mảng nghêu-ngao mà đã trưa-trật ; ra ngoài, leo lên một hòn đá trống-trái, phóng nhãn-quang ra xa. Trước mắt núi Đại Tô-Châu phơi tẩm khảm cây xanh tha-thướt dưới bóng Thái-Dương vắng-vặc. Làn mây bạc lơ-lửng trên không-gian, bình-thoảng bay ánh ánh-hồng, làm cho tẩm khảm cây xanh phủ dầu non, lúc đậm, lúc phai : « Đứng núi nọ xem núi kia rất đẹp ; thật là tiên lãnh Trời xây » để tô-diễm cho đất nước yêu-dấu của ta thêm vẻ mỹ-lệ vậy.

Một mình một bóng, lon-chon trên núi ; trước mặt vắn-sơn mấy bức, dưới chơn yên thủy một làn ; kề bên tai điều-

thú kêu hát thành-thót; con ve đâu không thấy mà nó trời-giọng vang-dầy, xui lòng khách du-sơn luống những ngân-ngơ, bát-ngát. Ngồi chêm-chệ trên tảng đá, dựa-lưng vào cội dương cồ, cũng cất tiếng ngâm câu :

Ngồi ngắm xem khắp cõi sơn-hà,
Một vóc gấm thêu hoa càng ý-vị:
Ở đất Bắc núi Nùng sông Nhị,
Người siêng-năng kỹ-nghệ chuyên cần.
Cõi Trung-Uơng non nước đẹp mười phần;
Hàng sản-xuất đủ sơn-trân, hải-vị;
Tràng-Sơn trồ anh tài, sĩ-khí.
Đất Nam-Kỳ là đất chí phi-nhiều.
Đức Hoá-công hậu-đãi yêu-chiu;
Dân trồng-trỉa, biết bao nhiêu mẽ-cốc.
Người sanh-hoạt vụ thái-bình làm gốc.
Có tiếng đồn là cõi « tối lạc-sanh ».
Phía cực tây rực-rỡ Phương-Thành;
Rõ-ràng đó là cảnh hoa xuân đất Việt,
Phong-cảnh hữu tình chi kể xiết!
Cửu-Long-Giang la-liệt thuyền tàu;
Bể Trung-Hoa bát-ngát khoe màu.
Đảo Phú-Quốc khác nào Bồng-đảo;
Giàu cho nước, gấm Khuông Xanh khéo tạo!
Sơn thủy giàu, của báu nhiều thay!
Nước ta phong-phú ai tày!

Không cần phải mong-mỏi những chốn tiên-cảnh xa-xôi ở đâu cho mất công, chỉ ngay ở đất nước nhà, rừng hẹp, núi nhỏ cũng có cảnh đẹp, lạ, không kém gì ai.

Xem xong xuống núi. Lợi trong rừng sầm-uất, có chỗ dốc

đứng gầy-gò; nhưng trong lòng vẫn mát-mẽ, vui sướng; chẳng lấy đường-sá hiểm-trở làm nhọc, mà lại thích-chí vì đã biết qua một nơi danh thắng; vừa thích-chí, vừa hân-hoan dường như một nhà thám-hiềm đã tìm ra được một cõi nào mà ít người đề chơn tới vậy. Thơ-thần một lát đã tới chơn núi; bụng lại ước phải chi «đường còn dài nữa lại càng hay». Ra về còn gởi lại một mối cảm-tình với chòm cây, khối đá; với chót núi, làn mây.

Lúc đi ngày giờ có hạn, không thể dây-dura lâu cho phí tình với non nước ở đây được. Hứa thăm cùng hoa cỏ, lối đi, đàng về còn có ngày hội-ngộ; mà thiệt vậy, qua năm sau, cũng tuần tháng giêng, như lúc đi Phú-Quốc về, tiện đường có ghé thăm cảnh vật lần thứ hai nữa. Lần nào cũng như lần này, mối hoài-cảm với sơn-xuyên lại càng chan-chứa hơn nữa.

Nhìn cảnh-vật cảm-hoài lai-láng.
Cùng nước non mang nặng mối tình.
Cỏ cây huê lá đẹp xinh.
Sơn, xuyên, thủy, thổ của mình, mình yêu;
Yêu cái thú quanh-hiu sơn-dã
Yêu đến làn mây tỏa đầu non;
Tiếng chim ca hát véo-von;
Con ve trời giọng nỉ-non gọi lòng.
Mặt Đông-Hồ nước trong như lọc;
Cảnh Tô-châu một vóc gấm thêu;
Lạ thay phong-cảnh yêu-kiều!
Khiến người du-tử trăm chiu đắm say.

Đi không mấy chốc đã về tới chùa Tô-Hòa-Tự. Đạm bạc một bữa cơm chay rồi nghỉ trưa ở đó. Đi chơi, đổi gió,

hơi mệt ; vừa đặt lưng nằm xuống ván thì ngủ ngon. ngủ lành. Khi thức dậy thì mặt trời đã xế bóng. Chuyện-văn lán-la với con ông chủ chùa ; tỏ ý muốn coi đò-mồi. Cùng nhau đi lại nhà một người chuyên nghề hạ-bạc để xem đò-mồi. Cách nuôi loại này cũng dễ : chỉ cất một cái chuồng cây dưới nước, chung-quanh bao lại như xây rọ bắt cá ; để cho nước mặn ra vô, thay đổi. Mỗi ngày bỏ cá vào cho ăn là đủ, ngoài ra không cần săn-sóc gì nữa hết, ít lâu con đò-mồi lớn, vẩy trở màu tốt, bán cho thợ, họ lấy vẩy, làm nhiều xảo vật rất đặc giá.

Nghe đò đò-mồi nuôi, thì vẩy tốt hơn đò-mồi mà thợ đi « nằm bãi » bắt về. Người ta kêu đi « nằm bãi » là ra ngoài hòn khơi, lựa chỗ bãi nào đò-mồi thường hay lên, ở đó đợi ít lâu, đò-mồi lên, vùi cát để ; chạy-a lại, lật ngửa nó ra, bắt.

Ở Hà-Tiên còn cái miếu Mạc-Lĩnh-Công, tưởng khách du-quan cũng nên biết, vì Mạc-Lĩnh-Công là nhơn vật đã khai-thát mở-mang ra cõi Hà-Tiên. Từ chợ lại miếu chỉ tốn một cắt bạc xe, hoặc đi bách bộ cũng được, không xa-xuôi gì. Trước miếu là cái giếng, vuông-vức độ ngoài một công đất. Xin kêu là « Tây vức-tri » ; dưới giếng, sen phơi lá xanh phơn-phớt, bông đỏ hồng-hồng trên mặt nước trong leo-lẻo, xem rất diêm-lệ. Lúc chúng tôi lại đó là mùa nắng, nên nước ít mà trong, qua mùa mưa, nước nhiều ; nghe nói ít trong hơn. Từ mùa vẫn đủ nước châu-cấp cho nhơn-dân Phương-Thành.

Ngoài vòng rào cũ-kỷ ; vào cửa tam-quan ; trên mấy chũ lớn, nét mực đã phai. Kế cửa nhà tiếp-tân khoảng-khoát là nơi hương-đăng hội-hiệp cùng-quái lúc ngày vía.

Kế nhà tiếp-tân, cái sân nhỏ trồng chút ít hoa thảo ; vài cây cò-thọ ngã bóng trên nóc ngói cũ, rêu phong màu xám lẫn màu đen ; coi rất u-trệ. Cái u-trệ, rêu phong, rong đóng lại làm cho cái quang-cảnh thêm vẻ kính-cổ, tôn-nghiêm. Đi ngang qua sân, bước vào hàng ba, cửa đóng bịt-bùng ; trên cửa mấy tấm biển Hán-tự, nét bút uy-nghiêm ; trên cột liễn, đối song-song, xưng-tụng công đức người tiền bối. Văn chương hùng-hồn.

Người giữ miếu mở cửa cho vào. Lặng-lẻ, êm-dềm ; mùi hương sực-nức ; mấy vòng thành-vọng sơn son, thếp vàng rực-rỡ. Mờ-mờ ở giữa miếu đường, bàn thờ, cái khánh ; nghi-tiết xem có vẻ trang-nghiêm, long-trọng, khiến lòng ngùi-ngùi kính-phục và nhớ lại công-đức cổ hơn.

Xem xong, trở lại chợ, xuống đò về xóm Tô-châu ; ngủ chùa, nghe ông sãi đọc kinh một đêm nữa. Sáng dậy sớm, từ-giã Phương-Thành ; đón xe về Vĩnh-Long. Trãi qua mấy chợ Kompong Trach, Tuk Méas, Tani mới về tới Châu-đốc, Long-xuyên, Sa-dec.

Về nhà, khi nhàn-rỗi, thường hay ôn-lại trong tâm-giới những phong-cảnh đã trải biết. Muốn lưu giữ những cảm-giác nó đã thoảng qua trong quả tim và mỗi cảm-hoài êm-dịu, nồng-nàn đời với nước non, cảnh vật, nên dờ tập giấy ghi lại vậy thôi, chớ dám đâu gọi là du-ký, như của mấy bậc văn tài.

Mong cho bà con yêu-quí, ai đọc qua tập du-ký nhỏ này thì cũng thưởng được ít nhiều cái lạc-thú lãng-mạn và yêu-thương những cảnh-vật mà chúng tôi đã gửi một phần tâm-não vào đấy.

Kính dựng.

Tiên-Sơn-Tự (Thạch-Động)

Lạ-lùng bầy Tiên-Sơn cảnh Bụt!
Thạch-động kia, ai đục trồ mà sâu ?
Thiên-nhiên danh thắng tối nhiệm-mầu.
Hang thâu-thẳm, riêng một bầu trong trái núi,
Hả miệng rộng, nuốt gió mây vào túi,
Đá chập-chồng, lạnh-ngắt ; tối u-minh.
Phập-phồng đi, tiếng bước dội thình-thình.
Trên nóc đá, vạm trạng, thiên hình, xem rất khéo.
Đường quanh-lộn, éo-le, lảo nẻo.
Kiến-trúc-gia đục-đẻo thuở nào ?
Bức kỳ-công kiệt-lác làm sao !
Hang nhiều chỗ thấp cao, hẹp rộng.
Đá-nhều tòn-ten, treo võng lọng
Nguy-nga phật-điện trống thênh-thang.
Thạch-nhũ giảng, ấy thợ tạo trưng màn
Tòa không sắc, khói nhang bay mờ-mịt.
Tượng bồ-tát diễm-nhiên nơi khuất-tịch.
Mơ-màng như hình-dịch ở hư-vô.
Âm-thầm niệm chữ « Nam-mô ».

C. L. G.



Hải-Sơn-Tự (Hòn-chông)

Thiên-nhiên thắng cảnh.
Hòn xuân-sơn rành-rạnh dưới gầm trời,
Thú Chùa-Hang mẫu-nhiệm, khác vời.
Động thâm-thẳm muôn đời trong khối đá.
Tòa tráng-lệ, khéo thay tay tạo-hóa!
Túi càn-khôn quái lạ, phải đây chăng?
Đại-kỳ-quan vi-diệu, hỏi đâu bằng?
Cửa động hẹp, khẩu đầu sang mới khởi.
Vào trong rộng thênh-thang, riêng một cõi ;
Leo-lét đên, mờ-tối tựa hoàng-hôn.
Chơn lần đi, dạ những bồn-chồn.
Trên đầu, đá chấp-chồng, mát lạnh.
Thạch-nhũ treo tứ-trung hình ảnh.
Vẻ u-buỳn, hiu-quạnh, bật âm-thinh.
Phật trang-nghiêm, to-lớn, giảng-giễn ;
Ngồi mặc tưởng, uy-linh trong bóng tối.
Khói hương tỏa mịt-mờ điện nội.
Càng chung vào, đường lối thêm éo-le.
Ánh nhật-quang mờ, tỏ, lập-lòe.
Mùi linh-khí diễm mê khách tục.
Sư một cụ an nhàn vui cảnh Bụt
Vãi nâu-sống, nguyên dục thoát mê tân.
Đại-bồng chung thanh-thót tiếng đưa ngân ;
Xui lòng tờ bâng-khuâng không xiết kể.
Ngoài cửa động, bao-la trời với bể ;
Cánh buồm con phất-phới, thả lênh-đênh.
Ba-đào tung, mặt nước gập-gbềnh
Trên cát trắng, sóng rềnh-rang chơi giỡn
Bóng bạch hạt dưới tầng mây nhơ-nhờn
Con giạ-tràng đùa bỡn với sóng lam.
Vô biên, vô tận, ai làm?

C. L. G.



Leaf n. 13 / 3 215

Tirage 2000 exemplaires

Imp. DUC-LUO-PHONG

Editeur : Do Van Phan

Village de Banan - Vinh Hong

Directeur : de l'Imprimerie

Buong Van Phan



IMP. DUC-LUU-PHUONG
158, Rue d'Espagne - Saigon